



# CHIS 2003 Adolescent Questionnaire

(Adolescent Respondents Age 12-17)

**November 5, 2004**      **Version 10.1**

## *Collaborating Agencies:*

- UCLA Center for Health Policy Research
- California Department of Health Services
- Public Health Institute

## **Contact:**

California Health Interview Survey  
UCLA Center for Health Policy Research  
10911 Weyburn Avenue, Suite 300  
Los Angeles, CA 90024-2887  
Email: [chis@ucla.edu](mailto:chis@ucla.edu)  
Phone: (866) 275.2447  
Fax: (310) 794.2686

## TABLE OF CONTENTS

---

|  |           |
|--|-----------|
| <b>SECTION A – DEMOGRAPHICS</b> .....                                      | <b>1</b>  |
| AGE, GENDER.....   | 1         |
| EMPLOYMENT INFORMATION, HOURS WORK.....                                    | 2         |
| <b>SECTION B – GENERAL HEALTH AND HEALTH CONDITIONS</b> .....              | <b>4</b>  |
| GENERAL HEALTH, MISSED SCHOOL DAYS.....                                    | 4         |
| ASTHMA.....  | 4         |
| DIABETES.....  | 7         |
| <b>SECTION C – HEALTH BEHAVIORS</b> .....                                  | <b>8</b>  |
| PAST YEAR INJURIES.....  | 8         |
| BIKE HELMET, SEATBELT USE.....   | 9         |
| NEIGHBORHOOD SAFETY.....   | 10        |
| DIETARY INTAKE.....  | 11        |
| PHYSICAL ACTIVITY.....   | 12        |
| HEIGHT AND WEIGHT.....   | 14        |
| PERCEIVED WEIGHT AND ACTIVITIES TO GAIN OR LOSE WEIGHT.....                | 15        |
| TOBACCO, ALCOHOL, AND DRUG USE.....  | 16        |
| <b>SECTION D – EMOTIONAL FUNCTIONING</b> .....                             | <b>20</b> |
| EMOTIONAL FUNCTIONING.....   | 20        |
| <b>SECTION E – SEXUAL BEHAVIORS</b> .....                                  | <b>22</b> |
| SEXUAL BEHAVIOR AND BIRTH CONTROL.....                                     | 22        |
| BIRTH CONTROL METHODS.....   | 23        |
| PREGNANCY.....   | 24        |
| STD TESTS.....   | 24        |
| EMERGENCY CONTRACEPTION.....   | 24        |
| <b>SECTION F – HEALTH CARE UTILIZATION AND ACCESS, DENTAL HEALTH</b> ..... | <b>26</b> |
| USUAL SOURCE OF CARE.....  | 26        |
| EMERGENCY ROOM USE.....  | 26        |
| COMMUNICATION WITH DOCTOR.....   | 27        |
| RECALL OF PROVIDER ADVICE.....   | 28        |
| DELAYS IN CARE, UNMET NEED.....  | 30        |
| ABILITY TO CONTACT DOCTOR ON OWN.....                                      | 31        |
| LAST DENTAL VISIT.....   | 32        |
| <b>SECTION G – INTERPERSONAL VIOLENCE</b> .....                            | <b>34</b> |
| THREAT OF VIOLENCE.....  | 34        |
| PHYSICAL VIOLENCE.....   | 34        |
| PHYSICAL ABUSE BY ROMANTIC PARTNER.....                                    | 35        |

**SECTION H – ADULT SUPERVISION, RESILIENCY, AND ROLE MODELS..... 36**  
MARITAL STATUS OF PARENTS ..... 36  
PARENTAL PRESENCE AFTER SCHOOL ..... 36  
PARENTAL KNOWLEDGE OF WHEREABOUTS AND ACTIVITIES..... 37  
TEACHER/ADULT SUPPORT AT SCHOOL..... 38  
ADULT SUPPORT AT HOME ..... 40  
VOLUNTEER WORK, COMMUNITY SERVICE ..... 42  
ROLE MODELS ..... 42

**SECTION I –DEMOGRAPHIC INFORMATION PART II, FUTURE PLANS ..... 44**  
RACE/ETHNICITY..... 44  
COUNTRY OF BIRTH, CITIZENSHIP, IMMIGRATION STATUS ..... 49  
LANGUAGES SPOKEN AT HOME..... 50  
PLANS AFTER HIGH SCHOOL ..... 50

## Section A – Demographics

**PROGRAMMING NOTE QT03\_1:**  
**SET TADATE = CURRENT DATE (YYYYMMDD)**

**QT03\_1** What is your date of birth?

Ngaøy sanh cuûa em laø ngaøy naøo?

**[TA1]** \_\_\_\_\_ MONTH \_\_\_\_\_ DAY \_\_\_\_\_ YEAR **[GO TO QT03\_4]**

[HR: 1-12] [HR: 1-31] [SR: 1985-1991]

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

- |             |              |
|-------------|--------------|
| 1. JANUARY  | 7. JULY      |
| 2. FEBRUARY | 8. AUGUST    |
| 3. MARCH    | 9. SEPTEMBER |
| 4. APRIL    | 10. OCTOBER  |
| 5. MAY      | 11. NOVEMBER |
| 6. JUNE     | 12. DECEMBER |

**PROGRAMMING NOTE QT03\_2:**  
**IF QT03\_1 = -7 OR -8 (REF/DK), CONTINUE WITH QT03\_2;**  
**ELSE GO TO QT03\_3**

**QT03\_2** What month and year were you born?

Quý vị sanh vào tháng nào và năm nào?

**[TA1A]** MONTH \_\_\_\_\_ YEAR \_\_\_\_\_ **[GO TO QT03\_3]**

[RANGE: 1-12] [RANGE: 1985-1991]

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

- |             |              |
|-------------|--------------|
| 1. JANUARY  | 7. JULY      |
| 2. FEBRUARY | 8. AUGUST    |
| 3. MARCH    | 9. SEPTEMBER |
| 4. APRIL    | 10. OCTOBER  |
| 5. MAY      | 11. NOVEMBER |
| 6. JUNE     | 12. DECEMBER |

**QT03\_3** How old are you?

Em ñoöic bao nhieäu tuôi?

**[TA2]** \_\_\_\_\_ [SR: 12-17]

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_4:**  
**CALCULATE VALUE OF TEENAGE BASED ON QT03\_1, QT03\_2, OR QT03\_3;**  
**IF QT03\_1 AND QT03\_3 ARE NOT KNOWN, USE CHILD ROSTER AGE (ENUM.AGE);**  
**IF TEENAGE <> BETWEEN 12 AND 17, THEN TERMINATE INTERVIEW AND CODE INELIGIBLE (IT)**

**QT03\_4** Are you male or female?  
 Em là con trai hay con gái?

**[TA3]**

|                  |    |
|------------------|----|
| MALE .....       | 1  |
| FEMALE .....     | 2  |
| REFUSED .....    | -7 |
| DON'T KNOW ..... | -8 |

**[END INTERVIEW AND  
 CODE INELIGIBLE.]**

**QT03\_5** Do you go to school now?  
 Anh/chò hiện nay có đi học không?

**[TA4]**

|                 |    |
|-----------------|----|
| YES.....        | 1  |
| NO.....         | 2  |
| REFUSED.....    | -7 |
| DON'T KNOW..... | -8 |

**QT03\_5B** **[DO NOT ASK]**  
 DID RESPONDENT VOLUNTER HE/SHE IS HOMESCHOOLED?

**[TA4A]**

|          |   |
|----------|---|
| YES..... | 1 |
| NO.....  | 2 |

**QT03\_6** Not including any allowance you may get, have you worked for pay in the past 12 months?  
 Ngoài số tiền mẹ anh/chò nộp cho học trường, anh/chò có làm việc nào trả lương trong 12 tháng qua không?

**[TA5]**

**[IF NEEDED, SAY: "An allowance is money that parents give you for doing household chores or for personal spending money."]**  
**[IF NEEDED, SAY: "Tiền cho học trường là số tiền mẹ cha mẹ cho anh/chò vì giúp đỡ nhà trôi lặt vặt hay là tiền tuì xài riêng."]**

|                  |    |
|------------------|----|
| YES .....        | 1  |
| NO .....         | 2  |
| REFUSED .....    | -7 |
| DON'T KNOW ..... | -8 |

**[GO TO QT03\_8]**  
**[GO TO QT03\_8]**  
**[GO TO QT03\_8]**

**QT03\_7** How many hours do you spend working for pay in a typical week during the school year?

Anh/chò laøm vieäc bao nhieâu giøø cou löông trong möät tuaàn bình thöôøng luüc ñang trong naêm hoïc?

**[TA5A]**

**[IF NEEDED, SAY: "A typical week is a usual week. Pick the most recent school year."]**

**[IF NEEDED, SAY: "Möät tuaàn bình thöôøng laø möät tuaàn thoâng thöôøng. Choïn naêm hoïc gaàn ñây nhaát."]**

\_\_\_\_\_ NUMBER OF HOURS [HR: 0-60]

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

## Section B – General Health and Health Conditions

**QT03\_8** Now, I am going to ask about your health.

Bây giờ, tôi sẽ hỏi em vài câu hỏi về sức khỏe của em.

In general, would you say your health is excellent, very good, good, fair or poor?

Nói chung, em có nghĩ sức khỏe của mình là tuyệt hảo, rất tốt, tốt, trung bình, hay kém không?

**[TB1]**

- EXCELLENT ..... 1
- VERY GOOD ..... 2
- GOOD ..... 3
- FAIR ..... 4
- POOR ..... 5
- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_9:**  
**IF QT03\_5 = 1 or 2 (YES, CURRENTLY IN SCHOOL), CONTINUE WITH QT03\_9;**  
**ELSE GO TO QT03\_10. INCLUDE HOME SCHOOLERS.**

**QT03\_9** During the last four school weeks, how many days of school did you miss because of a health problem?

Trong vòng 4 tuần lễ rồi hoặc vừa qua, em mất bao nhiêu ngày học vì có trở ngại về sức khỏe?

**[TB4]**

\_\_\_\_\_ DAYS [HR: 0-20]

- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_10** Has a doctor ever told you or your parents that you have asthma?

Bác sĩ có bao giờ cho anh/chò hoặc cha mẹ biết rằng anh/chò bị bệnh suyễn không?

**[TB5]**

- YES ..... 1
- NO ..... 2 **[GO TO QT03\_18]**
- REFUSED ..... -7 **[GO TO QT03\_18]**
- DON'T KNOW ..... -8 **[GO TO QT03\_18]**

**QT03\_11** How old were you when you or your parents were first told by a doctor that you had asthma?

Anh/chò bao nhiêu tuổi khi lần đầu tiên bác sĩ cho anh/chò hoặc cha mẹ biết rằng anh/chò bị bệnh suyễn?

**[TB16]**

**[IF NEEDED, SAY: "Your best guess is fine."]**  
**[IF NEEDED, SAY: "Anh/chò chæ cho phỏng đoán nhất là như."]**

\_\_\_\_\_ AGE IN YEARS

- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_12** Do you still have asthma?

Anh/chò vaãn coøn bò beãnh suyeãn chòu?

[TB17]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_13** During the past 12 months, have you had an episode of asthma or an asthma attack?

Trong vøng 12 tháng qua, anh/chò coũ bò lên cøn suyeãn hoặç lên cøn suyeãn naẽng naøo  
 khoãng?

[TB18]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**PROGRAMMING NOTE TB7:**

**IF QT03\_12=2, -7, or -8 (NO, REFUSED, DON'T KNOW) AND QT03\_13=2, -7, or -8 (NO, REFUSED, DON'T KNOW),  
 GO TO QT03\_17; ELSE CONTINUE WITH QT03\_14.**

**QT03\_14** During the past 12 months, how often have you had asthma symptoms such as coughing, wheezing, shortness of breath, tightness or phlegm? Would you say

Trong vøng 12 tháng qua, anh/chò coũ thồøng gaẽp caũc triẽu chòùng cuũa beãnh suyeãn nhõ ho,  
 thõu khoẽ kheø, huĩt thõu, thaét ngõic hoặç hay khaic ñõøm khoãng? Anh/chò nghó laø...

[TB7]

Not at all ..... 1  
 Khoãng coũ triẽu chòùng gì trong 12 tháng qua ..... 1  
 Less than every month ..... 2  
 Trieũ chòùng ít hõn moãt laãn moãi tháng ..... 2  
 Every month ..... 3  
 Moãi tháng ..... 3  
 Every week, or ..... 4  
 Moãi tuaàn, hoặç ..... 4  
 Every day? ..... 5  
 Moãi ngaøy? ..... 5  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_15** During the past 12 months, have you had to visit a hospital emergency room or urgent care clinic because of your asthma?

Trong vøng 12 tháng qua, anh/chò coũ ñẽán phøng caáp coũu taĩ beãnh vieãn hoặç nõi chaẽm  
 soũc khaãn caáp taĩ beãnh xaũ vì lý do beãnh suyeãn khoãng?

[TB19]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8



**QT03\_16** Are you now taking a daily medication to control your asthma that was prescribed or given to you by a doctor?

Hieän taïi anh/chò coù uoáng thuốc mỗi ngày do bác số cấp phaut hoặc kê toa ñeä trò beänh suyean của mình không?

[TB6]

**[IF NEEDED, SAY: "This includes both oral medicine and inhalers. This is different from inhalers used for quick relief."]**

**[IF NEEDED, SAY: "Thuoc ngày bao gồm cả thuốc uống và thuốc hít. Thuốc ngày khác với loại thuốc hít dùng ñeä giảm nhanh cơn suyean."]**

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_17** Has a doctor or other health professional ever given you an asthma management plan?

Bác số hoặc cãc chuyean vieän söc khoeu khác coù bao giò cho anh/chò baün kêá hoäch chãem söc beänh suyean không?

[TB20]

**[IF NEEDED, SAY: "An asthma management plan is a printed form that tells you when to change the amount or type of medicine, when to call the doctor for advice, and when to go to the emergency room."]**

**[IF NEEDED, SAY: "Kêá hoäch chãem söc beänh suyean là möt mãu in saün ñeä hööung ñãn cho anh/chò bieát khi nào nên ñoái sốá lööing hoặc loại thuốc, khi nào nên goü ñieän thoái ñeä hoüi bác số, và khi nào nên ñi ñeän phöng cấp cöu."]**

YES ..... 1 [GO TO QT03\_20]  
 NO ..... 2 [GO TO QT03\_20]  
 REFUSED ..... -7 [GO TO QT03\_20]  
 DON'T KNOW ..... -8 [GO TO QT03\_20]

**QT03\_18** During the past 12 months, have you had a wheezing or whistling sound in your chest?

Trong vöng 12 tháng qua, anh/chò coù bao giò nghe tieáng khoø kheø hoặc thöu rít trong göic mình không?

[TB21]

YES ..... 1 [GO TO QT03\_20]  
 NO ..... 2 [GO TO QT03\_20]  
 REFUSED ..... -7 [GO TO QT03\_20]  
 DON'T KNOW ..... -8 [GO TO QT03\_20]

**QT03\_19** During the past 12 months, how many times have you sought any medical help for this breathing problem?

Trong vöng 12 tháng qua, coù bao nhiêu làn anh/chò phaüi cãn ñeän söi chãem söc y teá cho cãc vaän ñeä hoä háp ngày?

[TB22]

NEVER ..... 0  
 \_\_\_\_\_ 1-365 times  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_20** Has a doctor ever told you or your parents that you have diabetes or sugar diabetes?

Còu bao giøø bàuc só cho anh/chò hay cha meĩ bieät laø anh/chò bò beänh tieäu ñöøøng hoaëc tieäu thaùo ñöøøng chõa?

**[TB10]**

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED .....-7  
 DON'T KNOW .....-8

**QT03\_21** Do you need special equipment or someone to help you with eating, dressing, bathing, getting out of chairs, moving around the house, or using the toilet because of a health problem or condition?

Anh/chò còu caàn ñuõng cuĩ ñaëc bieät hay möät ngöøøi naøo ñòu ñeã giuùp anh/chò aên uoáng, thay quaàn aùo, taém röøa, ra khoûi gheá, ñi laõi trong nhaø, hay ñuõng nhaø veã sinh vì vaán ñeà hay tình traõng söüc khoûe khoâng?

**[TB23]**

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED .....-7  
 DON'T KNOW .....-8

### Section C – Health Behaviors

**QT03\_22** During the past 12 months were you injured seriously enough that you got medical advice or treatment from a doctor?

Trong 12 tháng qua, bạn có bị thương đủ để anh/chị bạn cần được tư vấn y tế hoặc điều trị từ bác sĩ hay không?

[TC1]

|                  |    |                 |
|------------------|----|-----------------|
| YES .....        | 1  |                 |
| NO .....         | 2  | [GO TO QT03_25] |
| REFUSED .....    | -7 | [GO TO QT03_25] |
| DON'T KNOW ..... | 8  | [GO TO QT03_25] |

**QT03\_23** How many times was that?

Nhiều lần xảy ra bao nhiêu lần?

[TC2]

[IF NEEDED, SAY: “Times that you were injured in the past 12 months.”]  
 [IF NEEDED, SAY: “Caùc lần anh/chị bị thương trong 12 tháng qua.”]

\_\_\_\_\_ TIMES [HR: 0-52; SR: 1-12]

REFUSED .....-7  
 DON'T KNOW .....-8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_24:**  
**IF MORE THAN ONE SERIOUS INJURY, CATI DISPLAY THE {most recent, serious} INJURY.**

**QT03\_24** What was the cause of the {most recent, serious} injury?

Nguyên nhân nào làm cho anh/chị bị thương?

[TC3]

|  |    |
|--|----|
| MOTOR VEHICLE-OCCUPANT .....               | 1  |
| MOTOR VEHICLE-PEDESTRIAN .....             | 2  |
| BICYCLE -RELATED .....                     | 3  |
| ACCIDENTAL FALL.....                       | 4  |
| HIT OR CUT BY FLYING OBJECT .....          | 5  |
| SWIMMING, BOATING, OTHER NEAR DROWNING ... | 6  |
| FIRE/BURN/SCALD.....                       | 7  |
| ACCIDENTAL POISONING .....                 | 8  |
| SPORTS-RELATED.....                        | 9  |
| OTHER.....                                 | 91 |
| REFUSED .....                              | -7 |
| DON'T KNOW .....                           | -8 |

**QT03\_25** About how often do you wear a helmet when riding a bicycle? Would you say

Khi ñi xe ñaip, anh/chò cou ñoãi nouñ an toaøn thöðøng xuyeån ñeán möuc naø?  
Anh/chò nghö laø...

[TC6]

- Always, ..... 1
- Luoån luoån ..... 1
- Usually, ..... 2
- Thöðøng khi ..... 2
- Sometimes, or ..... 3
- Ñoãi khi, hay ..... 3
- Never? ..... 4
- Khoång bao giø? ..... 4
- DOESN'T RIDE BIKES ..... 5
- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_26:**  
**IF TEENAGE > 15, CATI DISPLAY {"or driving"}; ELSE IF TEENAGE 15 OR <15, DO NOT DISPLAY "or driving."**

**QT03\_26** How often do you use a seatbelt when riding {or driving} in a car? Would you say

Em có thường thấät dây an toàn khi ñi xe hơi không? Em trả lời là...

[TC6A]

- Always ..... 1
- Luoån luoån ..... 1
- Usually, ..... 2
- Thöðøng khi ..... 2
- Sometimes, or ..... 3
- Ñoãi khi, hay ..... 3
- Never? ..... 4
- Khoång bao giø? ..... 4
- DOESN'T RIDE IN/ CAR ..... 5
- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_27** Have you ever ridden in a car or other vehicle with a driver who has been drinking alcohol?

Em có từng bao giø ngồi trên xe hơi hay các loại xe khác mà người lái xe ñã có uống rượu không ?

[TC7]

- YES ..... 1
- NO ..... 2
- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_28** Thinking about your neighborhood, is there a park, playground, or open space within walking distance of your home?

Nghö veà laùng giềng cuõa mình, cou công vieån, saån chôi, hay saån troáng naø maø anh/chò cou theã töø nhaø mình ñi boã ñeán ñoù khoång?

[TC42]

- YES ..... 1
- NO ..... 2
- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**[GO TO QT03\_31]**  
**[GO TO QT03\_31]**  
**[GO TO QT03\_31]**

**QT03\_29** Do you strongly agree, agree, disagree or strongly disagree with the following statements:

Anh/chò hoæn toæn ñoàng yù, ñoàng yù, không ñoàng yù hay hoæn toæn không ñoàng yù vôi câu câu phaut biểu sau ñây.

The park or playground closest to where I live is safe during the day.

Coâng vieân hay saân chôi gaøn nhaát cuõa choã tôi ôu an ninh trong ban ngaøy.

[TC25]

**[IF NEEDED, SAY: "Do you strongly agree, agree, disagree or strongly disagree?"]**

**[IF NEEDED, SAY: "Anh/chò hoæn toæn ñoàng yù, ñoàng yù, không ñoàng yù hay hoæn toæn không ñoàng yù?"]**

STRONGLY AGREE ..... 1  
 AGREE ..... 2  
 DISAGREE ..... 3  
 STRONGLY DISAGREE ..... 4  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_30** The park or playground closest to where I live is safe at night.

Coâng vieân hay saân chôi gaøn nhaát cuõa choã tôi ôu an ninh trong ban ñeâm.

[TC26]

**[IF NEEDED, SAY: "Do you strongly agree, agree, disagree or strongly disagree?"]**

**[IF NEEDED, SAY: "Anh/chò hoæn toæn ñoàng yù, ñoàng yù, không ñoàng yù hay hoæn toæn không ñoàng yù?"]**

STRONGLY AGREE ..... 1  
 AGREE ..... 2  
 DISAGREE ..... 3  
 STRONGLY DISAGREE ..... 4  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_31** Tell me how likely it is that your neighbors would do something about a kid spray-painting graffiti on a building in your neighborhood. Would you say ...

Anh/chò còu nghó raèng laø câuc ngồøi trong laùng lieàng seõ còu theá còu haøn ñoäng khi thaáy treû em xòt sôn veõ baãy trên toæa nhaø trong laùng gieàng cuõa anh/chò. Anh/chò nghó laø...

[TC27]

**[IF NEEDED, SAY: "A "kid" is a child or adolescent. 'Do something' means they would stop or report the person."]**

**[IF NEEDED, SAY: "'Treû em' laø ñoõa beù nhuõ tuỏi hay vò thaøn nhieân. Còu haøn ñoäng" nghóa laø hoĩ seõ ngaên chaän hay baùo câuc treû ñoõ."]**

Very likely, ..... 1  
 Raát còu theá còu ..... 1  
 Likely, ..... 2  
 Còu theá còu, ..... 2  
 Unlikely, or ..... 3  
 Còu theá không, hay ..... 3  
 Very Unlikely? ..... 4  
 Khoù maø còu theá còu? ..... 4  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

I'm now going to ask about the foods you ate yesterday.

Bây giờ tôi có một số câu hỏi về thức ăn/chò ăn hôm qua.

**QT03\_32** Yesterday, how many servings of fruit, such as an apple or banana did you eat?

Trong ngày hôm qua, anh/chò ăn bao nhiêu phần trái cây, nhớ một trái táo hay chuối?

[TE4]

**[IF NEEDED, SAY: "A serving is whatever it means to you."]**

**[IF NEEDED, SAY: "Một phần ăn là số lượng hộp nào tùy anh/chò."]**

\_\_\_\_\_ SERVINGS [HR: 0-20; SR: 0-9]

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

**QT03\_33** Yesterday, how many servings of vegetables, like corn, green beans, green salad, or other vegetables did you have?

Trong ngày hôm qua, anh/chò ăn bao nhiêu phần rau củi nhớ bắp, đậu xanh, xà lách hay cà rốt rau củi khác?

[TE6]

\_\_\_\_\_ SERVINGS [HR: 0-20; SR: 0-4]

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

**QT03\_34** Yesterday, how many glasses or cans of soda (such as Coke) or other sweetened drinks (such as fruit punch or Sunny Delight) did you drink? Do not count diet and sugar-free drinks.

Trong ngày hôm qua, anh/chò uống bao nhiêu ly hay lon sô-đa (nhờ Coca) hay cà phê ngọt ngào (nhờ nước trái cây troãn hoặc Sunny Delight)? Nhớ kể cả cà phê ngọt ngào kiêng cồn hay không cồn khác.

[TC28]

\_\_\_\_\_ GLASSES, CANS OR BOTTLES

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

**QT03\_35** Does your school have sodas in vending machines for sale?

Trường học của anh/chò có máy bán sô-đa không?

[TC29]

YES ..... 1

NO ..... 2

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

**QT03\_36** Yesterday, how many times did you eat fast food? Include fast food meals eaten at school, at home, or at fast-food restaurants, carryout or drive thru.

Trong ngày hôm qua, anh/chò ăn bao nhiêu lần thức ăn nhanh?

Keá câu câu bữa ăn ăn thức ăn nhanh ôu trởông, ôu nhà, hay tại nhà hàng bán thức ăn nhanh, mua ñem về hay lái gang mua.

[TC30]

[IF NEEDED, SAY: "Such as food you get at McDonald's, Burger King, or Taco Bell."]

[IF NEEDED, SAY: "Thí dụ về thức ăn nhanh là nhà hàng McDonald's, Burger King, hay Taco Bell."]

\_\_\_\_\_ TIMES [HR: 0-20; SR: 0-4]

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

**QT03\_37** These next questions are about physical activity or exercise.

Câu câu hỏi keá ñeán là về hoạt ñăng cô thể hay thể dục.

In the past 7 days, did you do any physical activity for at least 20 minutes that made you sweat and breathe hard?

Trong 7 ngày qua, anh/chò có hoạt ñăng cô thể ít nhất 20 phút ñeá ñỏ mồ hôi hay thở mạnh không?

[TE8]

[IF NEEDED, SAY: "Such as basketball, soccer, running, swimming laps, fast bicycling, fast dancing or similar aerobic activities. This includes school PE."]

[IF NEEDED, SAY: "Nhỏ chơi bóng đá, ñau banh, chạy, bơi thể dục, ñi xe ñạp nhanh, nháy múa nhanh hay câu loã thể dục theo nhòp ñeá tổng tòi. Ñeáu ngày bao gồm câu lóu thể dục hay PE ôu trởông."]

YES ..... 1

NO ..... 2

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

[GO TO QT03\_39]

[GO TO QT03\_39]

[GO TO QT03\_39]

**QT03\_38** On how many of the past 7 days did you do this?

Anh/chò ñã làm nhòng hoạt ñăng ngày bao nhiêu lần trong 7 ngày qua?

[TE8A]

[IF NEEDED, SAY: "Do physical activity that made you sweat or breathe hard."]

[IF NEEDED, SAY: "Hoạt ñăng cô thể làm anh/chò ñỏ mồ hôi hay thở mạnh."]

\_\_\_\_\_ DAYS [HR: 0-7]

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

**QT03\_39** Did you do any physical activity for at least half an hour that did not make you sweat or breath hard?

Anh/chò còu hoait ñoäng cô theá ñaót 30 phuít maø khoảng bò ñoá maø hoai hay thôu maĩnh khoảng?

[TE9]

**[IF NEEDED, SAY: "Such as walking, slow bicycling, skating, pushing a lawn mower or mopping floors. This is in the past 7 days."]**

**[IF NEEDED, SAY: "Ñây cuõng laøm nhöõng hoait ñoäng laøm trong 7 ngaøy qua nhö ñi boá nhanh, ñi xe ñaíp chaãm, ñi troõit, ñây maùy caét côu hay lau saøn nhaø."]**

|                  |    |                 |
|------------------|----|-----------------|
| YES .....        | 1  |                 |
| NO .....         | 2  | [GO TO QT03_41] |
| REFUSED .....    | -7 | [GO TO QT03_41] |
| DON'T KNOW ..... | -8 | [GO TO QT03_41] |

**QT03\_40** On how many of the past 7 days did you do this?

Anh/chò ñaõ laøm nhöõng hoait ñoäng naøy bao nhieâu laàn trong 7 ngaøy qua?

[TE9A]

**[IF NEEDED, SAY: "Do physical activity for at least 30 minutes that did not make you sweat or breathe hard."]**

**[IF NEEDED, SAY: "Hoait ñoäng cô theá ít nhaót 30 phuít maø khoảng bò ñoá maø hoai hay thôu maĩnh."]**

\_\_\_\_\_ DAYS [HR: 0-7]

|                  |    |
|------------------|----|
| REFUSED .....    | -7 |
| DON'T KNOW ..... | -8 |

**QT03\_41** In the past 7 days did you do exercises to strengthen or tone your muscles, such as push-ups, sit-ups, or weight lifting?

Trong voøng 7 ngaøy qua, em còu taáp theá thao ñeá reøn hay naâng baép thòt, chaúng haĩn nhö hít ñaát, ngoài daãy, hay taáp tạ khoảng?

[TE10]

|                  |    |                 |
|------------------|----|-----------------|
| YES .....        | 1  |                 |
| NO .....         | 2  | [GO TO QT03_43] |
| REFUSED .....    | -7 | [GO TO QT03_43] |
| DON'T KNOW ..... | -8 | [GO TO QT03_43] |

**QT03\_42** On how many of the past 7 days did you do this?

Anh/chò ñaõ laøm nhöõng hoait ñoäng naøy bao nhieâu laàn trong 7 ngaøy qua?

[TE10A]

**[IF NEEDED, SAY: "Do exercises to strengthen your muscles."]**

**[IF NEEDED, SAY: "Taáp theá duĩc ñeá reøn luyeãn baép thòt."]**

\_\_\_\_\_ DAYS [HR: 0-7]

|                  |    |
|------------------|----|
| REFUSED .....    | -7 |
| DON'T KNOW ..... | -8 |



**PROGRAMMING NOTE QT03\_43:**

**IF QT03\_5B = 1 (YES, HOME SCHOOLING), SKIP TO TC03\_45 (TC32); ELSE ASK QT03\_43.**

**QT03\_43** Does your school offer physical education or PE during the school day?

Tròøng của anh/chò còu lòup theá dưic hay PE trong ngayø hoiç kông?

[TC31]

- |                  |    |                 |
|------------------|----|-----------------|
| YES .....        | 1  |                 |
| NO .....         | 2  | [GO TO QT03_45] |
| REFUSED .....    | -7 | [GO TO QT03_45] |
| DON'T KNOW ..... | -8 | [GO TO QT03_45] |

**PROGRAMMING NOTE QT03\_44:**

**IF IT IS SUMMER AND R IS NOT CURRENTLY IN SCHOOL, SAY: "If you don't know for this coming school year, tell me if you had to take PE last year."**

**QT03\_44** Are you required to take PE?

Anh/chò còu bò baét buoác phaui laáy lòup PE kông?

[TC32]

- |                  |    |
|------------------|----|
| YES .....        | 1  |
| NO .....         | 2  |
| REFUSED .....    | -7 |
| DON'T KNOW ..... | -8 |

**QT03\_45** About how tall are you without shoes?

Anh/chò cao bao nhieu neáu kông mang giaøy?

[TB2]

[IF NEEDED, SAY: "Your best guess is fine."]

[IF NEEDED, SAY: "Anh/chò chæ cho phoùng ñoàun gaàn ñuùng laø ñoøic roài."]

- |                                |                           |
|--------------------------------|---------------------------|
| _____ FEET _____ INCHES        | [FT HR: 3-7, IN HR: 0-11] |
| _____ METERS _____ CENTIMETERS | [M HR: 1-2, CM HR: 0-99]  |
| REFUSED .....                  | -7                        |
| DON'T KNOW .....               | -8                        |

**QT03\_46** About how much do you weigh without shoes?

Anh/chò naeng bao nhieu neáu kông mang giaøy?

[TB3]

[IF NEEDED, SAY: "Your best guess is fine."]

[IF NEEDED, SAY: "Anh/chò chæ cho phoùng ñoàun gaàn ñuùng nhaát laø ñoøic roài."]

- |                              |    |
|------------------------------|----|
| _____ POUNDS [HR: 50-450]    |    |
| _____ KILOGRAMS [HR: 20-220] |    |
| REFUSED .....                | -7 |
| DON'T KNOW .....             | -8 |

**QT03\_47** Would you say you are very underweight, slightly underweight, about the right weight, slightly overweight, or very overweight?

Anh/chò nghó laø mình quau nheĩ caân, hôi nheĩ caân, vöøa möüc caân, hôi naëng caân hay quau naëng caân?

[TC33]

[IF NEEDED, SAY: “Compared to what you would like to be”, AND REPEAT THE QUESTION.]

[IF NEEDED, SAY: “So vôi möïc caân maø anh/chò muoán coù.”]

VERY UNDERWEIGHT ..... 1  
 SLIGHTLY UNDERWEIGHT ..... 2  
 ABOUT THE RIGHT WEIGHT ..... 3  
 SLIGHTLY OVERWEIGHT ..... 4  
 VERY OVERWEIGHT ..... 5  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**PROGRAMMING NOTE TC27:**

IF QT03\_47 NE 1, AND NE -7 (REFUSED) OR -8 (DON'T KNOW), DISPLAY “lose weight”;

IF QT03\_47 NE 5, AND NE -7 (REFUSED) OR -8 (DON'T KNOW), DISPLAY “gain weight.”

**QT03\_48** Are you currently trying to {lose weight}, stay the same weight, {gain weight} or not do anything about your weight?

Anh/chò hieãn nay coù ñang coá gaéng giaùm caân, giöø cương möüc caân, leãn caân hay khoâng laøm baát cöù ñieàu gì veà möïc caân cuõa mình khoâng?

[TC34]

LOSE WEIGHT ..... 1  
 STAY THE SAME WEIGHT ..... 2  
 GAIN WEIGHT ..... 3 [GO TO QT03\_53]  
 NOT DO ANYTHING ..... 4 [GO TO QT03\_53]  
 REFUSED ..... -7 [GO TO QT03\_53]  
 DON'T KNOW ..... -8 [GO TO QT03\_53]

**PROGRAMMING NOTE QT03\_49:**

IF QT03\_48=1 (LOSE WEIGHT), DISPLAY “lose weight”. IF QT03\_48=2 (STAY THE SAME WEIGHT), DISPLAY “keep from gaining weight”.

**QT03\_49** In the past 7 days, did you diet? [IF NEEDED, SAY “to {lose weight} {keep from gaining weight}?”]

Trong 7 ngaøy qua, anh/chò coù kieång aên ñeã giaùm caân khoâng? [IF NEEDED, SAY: “Ñeã giaùm can.”]

[TC35]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_50** Did you exercise? **[IF NEEDED, SAY: In the past 7 days to {lose weight} {keep from gaining weight}]**.

Trong 7 ngày qua, anh/chò cóu taáp theá duïc ñeá giõõ cho khoûi bò lên cân không? **[IF NEEDED SAY: "Trong 7 ngày qua ñeá giáuưm cân."]**

[TC36]

- YES ..... 1
- NO ..... 2
- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_51** Did you do anything else? **[IF NEEDED, SAY: In the past 7 days to {lose weight} {keep from gaining weight}]**.

Trong 7 ngày qua, anh/chò cóu laøm ñieàu gì khaùc ñeá giáuưm cân không? **[IF NEEDED SAY: "Trong 7 ngày qua ñeá giáuưm cân."]**

[TC37]

- YES ..... 1
  - NO ..... 2
  - REFUSED ..... -7
  - DON'T KNOW ..... -8
- [SKIP TO QT03\_53]  
[SKIP TO QT03\_53]  
[SKIP TO QT03\_53]

**QT03\_52** What else did you do?

Anh/chò cóu laøm gì khaùc ñeá giáuưm cân?

[TC37A]

**[IF NEEDED, SAY: In the past 7 days to {lose weight} {keep from gaining weight} [IF NEEDED SAY: "Trong 7 ngày qua ñeá giáuưm cân."]**

**SPECIFY:** \_\_\_\_\_

**QT03\_53** The next questions are about smoking and drinking.

Caùc caâu hoûi keá ñeán laø veà huùt thuoác vaø uoáng röõiu.

Have you ever smoked cigarettes, even 1 or 2 puffs?

Anh/chò cóu bao giõõ huùt thuoác laù không, duø chæ rít 1 hay 2 hôi?

[TC38]

- YES ..... 1
  - NO ..... 2
  - REFUSED ..... -7
  - DON'T KNOW ..... -8
- [GO TO QT03\_58]  
[GO TO QT03\_58]  
[GO TO QT03\_58]

**QT03\_54** How old were you when you smoked your first cigarette?

Em huùt ñieáu thuoác laù ñeàu tieân luùc maáy tuoái?

[TE18]

- \_\_\_\_\_ AGE [HR: 1-17; SR: 6-17]
- REFUSED ..... -7
  - DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_55** Have you ever smoked cigarettes regularly, that is, at least 1 cigarette everyday for 30 days?

Em cóu tởng bao giờ huít thuốc ñều ñiễn khoảng, tởc là huít ít nhất là một ñiếu mỗi ngày trong 30 ngày khoảng?

[TE17]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_56** In the past 30 days, on how many days did you smoke cigarettes?

Trong vòng 30 ngày qua, cóu bao nhiêu ngày em cóu huít thuốc làu?

[TE19]

NONE ..... 0  
 1 OR 2 DAYS ..... 1  
 3-5 DAYS ..... 2  
 6-9 DAYS ..... 3  
 10-19 DAYS ..... 4  
 20-29 DAYS ..... 5  
 30 DAYS ..... 6  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

[GO TO QT03\_58]

**QT03\_57** In the past 30 days, when you smoked, about how many cigarettes did you smoke per day?

Trong 30 ngày qua, khi huít thuốc, anh/chò huít bao nhiêu ñiếu thuốc làu mỗi ngày?

[TE20]

[IF NEEDED, SAY: "On the days you smoked?"]

[IF NEEDED, SAY: "Tính theo trung bình, trên cẩu ngày anh/chò huít."]

[IF NEEDED, SAY: "On average"]

[IF NEEDED, SAY: "Trung bình."]

\_\_\_\_\_ NUMBER OF CIGARETTES

REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_58** Did you ever have more than a few sips of any alcoholic drink, like beer, wine, mixed drinks, or liquor?

Em cóu tởng uống nhiều hơn là chæ nhấm nhậu cẩu thòc uống cóu chaát rượu, chẩu ñiễn nhò bia, rượu nhỏ, rượu pha ché, hay rượu mảnh khoảng?

[TE22]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

[GO TO QT03\_63]

[GO TO QT03\_63]

[GO TO QT03\_63]

**QT03\_59** If we consider one drink to be a can or bottle of beer, a glass of wine, a shot of liquor, or one mixed drink, on how many days in the past 30 days did you have at least one drink of alcohol?

Neáu chuùng ta xem moät cõ l  moät lon hay chai bia, moät ly r  i u nho, moät chung r  i u ma nh, hay moät ly r  i u pha, thì trong v ng 30 ngaøy qua, c u bao nhie u ngaøy em c u uo ng r  i u ít nhaát la  moät cõ ?

[TE23]

|                    |    |                 |
|--------------------|----|-----------------|
| NONE .....         | 0  | [GO TO QT03_61] |
| 1 OR 2 DAYS .....  | 1  |                 |
| 3 - 5 DAYS .....   | 2  |                 |
| 6 - 9 DAYS .....   | 3  |                 |
| 10 - 19 DAYS ..... | 4  |                 |
| 20 - 29 DAYS ..... | 5  |                 |
| 30 DAYS .....      | 6  |                 |
| REFUSED .....      | -7 | [GO TO QT03_61] |
| DON'T KNOW .....   | -8 | [GO TO QT03_61] |

**QT03\_60** How many days in the past 30 days did you have five or more drinks in a row, that is within a couple of hours?

C u bao nhie u ngaøy trong 30 ngaøy qua anh/ch  uo ng lie n tie p 5 ly r  i u hay nhie u h n, c u ngh a la  trong v ng v i gi  ?

[TE24]

|                       |    |
|-----------------------|----|
| NONE .....            | 0  |
| 1 DAY .....           | 1  |
| 2 DAYS .....          | 2  |
| 3 - 5 DAYS .....      | 3  |
| 6 - 9 DAYS .....      | 4  |
| 10 - 19 DAYS .....    | 5  |
| 20 DAYS OR MORE ..... | 6  |
| REFUSED .....         | -7 |
| DON'T KNOW .....      | -8 |

**QT03\_61** When you drink alcohol, about how many drinks do you usually have?

Khi uo ng r  i u, em th  ng uo ng bao nhie u cõ?

[TE25]

|                        |    |
|------------------------|----|
| LESS THAN ONE .....    | 1  |
| 1 - 2 DRINKS .....     | 2  |
| 3 - 4 DRINKS .....     | 3  |
| 5 OR MORE DRINKS ..... | 4  |
| REFUSED .....          | -7 |
| DON'T KNOW .....       | -8 |

**PROGRAMMING NOTE TC40:**  
**IF TEENAGE < 16, GO TO QT03\_63;**  
**ELSE CONTINUE WITH QT03\_62.**

**QT03\_62** Have you ever driven a car after you've been drinking?

Em c u t ng bao gi   la i xe sau khi ñ  uo ng r  i u kho ng ?

[TE26]

|                  |    |
|------------------|----|
| YES .....        | 1  |
| NO .....         | 2  |
| REFUSED .....    | -7 |
| DON'T KNOW ..... | -8 |

**QT03\_63** Have you ever tried marijuana, cocaine, sniffing glue or any other drugs?

Anh/chò còu bao giøø thõu càen sa, baìch phieán, hít keo hay càuc loaïi ma tuøy naøo khaùc khaàng?

[TE28]

|                  |    |                 |
|------------------|----|-----------------|
| YES .....        | 1  |                 |
| NO .....         | 2  | [GO TO QT03_67] |
| REFUSED .....    | -7 | [GO TO QT03_67] |
| DON'T KNOW ..... | -8 | [GO TO QT03_67] |

**QT03\_64** In the past 12 months have you used marijuana?

Anh/chò còu bao giøø duøng càen sa trong 12 thaùng qua khaàng?

[TC39]

|                  |    |                 |
|------------------|----|-----------------|
| YES .....        | 1  |                 |
| NO .....         | 2  | [GO TO QT03_66] |
| REFUSED .....    | -7 | [GO TO QT03_66] |
| DON'T KNOW ..... | -8 | [GO TO QT03_66] |

**QT03\_65** In the past 30 days, on how many days did you use marijuana?

Trong 30 ngaøy qua, còu bao nhieâu ngaøy anh/chò duøng càen sa?

[TE29]

|                       |    |
|-----------------------|----|
| NONE .....            | 0  |
| 1 DAY .....           | 1  |
| 2 DAYS .....          | 2  |
| 3-5 DAYS .....        | 3  |
| 6-9 DAYS .....        | 4  |
| 10-19 DAYS .....      | 5  |
| 20 DAYS OR MORE ..... | 6  |
| REFUSED .....         | -7 |
| DON'T KNOW .....      | -8 |

**QT03\_66** In the past 30 days, on how many days did you use drugs other than marijuana to get high?

Trong 30 ngaøy qua, còu bao nhieâu ngaøy anh/chò duøng càuc loaïi ma tuøy khaùc hôn laø càen sa ñeã ñõõic say thuoác?

[TC40]

|                       |    |
|-----------------------|----|
| NONE .....            | 0  |
| 1 DAY .....           | 1  |
| 2 DAYS .....          | 2  |
| 3-5 DAYS .....        | 3  |
| 6-9 DAYS .....        | 4  |
| 10-19 DAYS .....      | 5  |
| 20 DAYS OR MORE ..... | 6  |
| REFUSED .....         | -7 |
| DON'T KNOW .....      | -8 |

**QT03\_67** Have you ever used steroids in order to build muscle?

Trong 12 thaùng qua, anh/chò còu duøng chaát steroid ñeã bõm baép thòt khaàng?

[TC41]

|                  |    |                 |
|------------------|----|-----------------|
| YES .....        | 1  |                 |
| NO .....         | 2  | [GO TO QT03_69] |
| REFUSED .....    | -7 | [GO TO QT03_69] |
| DON'T KNOW ..... | -8 | [GO TO QT03_69] |

## Section D – Emotional Functioning

**QT03\_69** The next questions are about your feelings.

Caùc caâu hoûi keá ñeán laø veà caùm nghó cuûa anh/chò.

In the past 7 days, were the following things true for you: “none of the time, sometimes, a lot of the time, or most of the time”?

Trong 7 ngaøy qua, caùc ñieàu sau ñây coù phaûi laø, khoâng luïc naøo ñuùng cho anh/chò, ñôi khi, nhieàu khi hay haàu heát laø ñuùng?

You enjoyed life.

Anh/chò vui höông cuoác ñôi.

[TD6]

- NEVER..... 1
- SOMETIMES..... 2
- A LOT OF THE TIME..... 3
- MOST OF THE TIME..... 4
- REFUSED.....-7
- DON'T KNOW.....-8

**QT03\_70** [In the past 7 days,] You felt that you could not shake off feeling sad and unhappy, even with help from your family and your friends?

Anh/chò nghó laø mình khoâng theá boû ñôi cuõm giaùc buoàn vaø khoâng vui, maéc duø coù söi giuùp ñôi cuõm gia ñình vaø baïn beø?

[TD7]

**[IF NEEDED, SAY: “Shake off feeling sad and unhappy’ is the same as stop feeling sad and unhappy.’ In the past 7 days, was that never, sometimes, a lot of the time or most of the time true for you?”]**

**[IF NEEDED, SAY: “Boû ñôi cuõm giaùc buoàn vaø khoâng vui’ laø ñoàng nghóa vôi ‘ngöng caùm giaùc buoàn vaø khoâng vui.’ Trong 7 ngaøy qua, ñieàu naøy khoâng luïc naøo ñuùng, ñôi khi, nhieàu khi hay haàu heát laø ñuùng cho anh/chò?”]**

- NEVER..... 1
- SOMETIMES..... 2
- A LOT OF THE TIME..... 3
- MOST OF THE TIME..... 4
- REFUSED.....-7
- DON'T KNOW.....-8

**QT03\_71** [In the past 7 days] You felt depressed?

Anh/chò thaáy buoàn ñôn.

[TD8]

**[IF NEEDED, SAY: “Never, sometimes, a lot of the time or most of the time true?”]**

**[IF NEEDED, SAY: “Khoâng khi naøo ñuùng, ñôi khi, nhieàu khi hay haàu heát laø ñuùng?”]**

- NEVER..... 1
- SOMETIMES..... 2
- A LOT OF THE TIME..... 3
- MOST OF THE TIME..... 4
- REFUSED.....-7
- DON'T KNOW.....-8

**QT03\_72** [In the past 7 days] You were happy.

Anh/chò caôm thaáy vui veû.

**[TD9]**

- NEVER..... 1
- SOMETIMES..... 2
- A LOT OF THE TIME..... 3
- MOST OF THE TIME..... 4
- REFUSED.....-7
- DON'T KNOW.....-8

**QT03\_73** [In the past 7 days] You felt lonely.

Anh/chò caôm thaáy côa ñôn.

**[TD10]**

- NEVER..... 1
- SOMETIMES..... 2
- A LOT OF THE TIME..... 3
- MOST OF THE TIME..... 4
- REFUSED.....-7
- DON'T KNOW.....-8

**QT03\_74** [In the past 7 days] You felt your life was a failure.

Anh/chò caôm thaáy thaát baïi trong cuoác ñôøi.

**[TD11]**

- NEVER..... 1
- SOMETIMES..... 2
- A LOT OF THE TIME..... 3
- MOST OF THE TIME..... 4
- REFUSED.....-7
- DON'T KNOW.....-8

**QT03\_75** [In the past 7 days] You felt sad.

Anh/chò caôm thaáy buoàn.

**[TD12]**

- NEVER..... 1
- SOMETIMES..... 2
- A LOT OF THE TIME..... 3
- MOST OF THE TIME..... 4
- REFUSED.....-7
- DON'T KNOW.....-8

**QT03\_76** [In the past 7 days] You did not want to do the things you usually do.

Anh/chò caôm thaáy buoàn.

**[TD13]**

- NEVER..... 1
- SOMETIMES..... 2
- A LOT OF THE TIME..... 3
- MOST OF THE TIME..... 4
- REFUSED.....-7
- DON'T KNOW.....-8



## Section E – Sexual Behaviors

**PROGRAMMING NOTE SECTION E:  
IF PARENT/GUARDIAN DID NOT ALLOW RESPONDENT TO ANSWER SEXUAL BEHAVIOR QUESTIONS,  
GO TO QT03\_91; ELSE CONTINUE WITH QT03\_77.**

The next section is about sexual behaviors. All answers will be kept private and you can refuse to answer any question. We are asking everyone these questions.

Những câu tiếp theo hỏi về vấn đề tình dục của anh/chị. Câu trả lời sẽ được giữ kín và anh/chị có quyền từ chối trả lời bất cứ câu hỏi nào. Chúng tôi cần câu trả lời cho mọi người.

**QT03\_77** Have you ever had sexual intercourse?

Anh/chị có bao giờ làm tình chưa?

[TE32]

|                  |    |
|------------------|----|
| YES .....        | 1  |
| NO .....         | 2  |
| REFUSED .....    | -7 |
| DON'T KNOW ..... | -8 |

**PROGRAMMING NOTE SECTION QT03\_78:  
IF QT03\_77=2, -7, -8 AND RESPONDENT IS MALE OR FEMALE LESS THAN 14 YEARS OF AGE, THEN SKIP TO QT03\_91;  
IF QT03\_77=2, -7, -8 AND RESPONDENT IS FEMALE AND 14 OR OLDER, THEN SKIP TO QT03\_87**

**QT03\_78** How old were you when you had sexual intercourse for the first time?

Em giao hợp (làm tình) lần đầu lúc mấy tuổi?

[TE33]

|                  |                       |    |
|------------------|-----------------------|----|
| _____ YEARS OLD  | [HR: 1-17; SR: 10-17] |    |
| REFUSED .....    |                       | -7 |
| DON'T KNOW ..... |                       | -8 |

**QT03\_79** The first time you had sexual intercourse did you or your partner use a method to prevent pregnancy or disease?

Lần đầu tiên làm tình, anh/chị hay người bạn tình có dùng phương pháp ngừa thai hay tránh bệnh nhiễm trùng?

[TE34]

|                  |    |                 |
|------------------|----|-----------------|
| YES .....        | 1  |                 |
| NO .....         | 2  |                 |
| REFUSED .....    | -7 | [GO TO QT03_81] |
| DON'T KNOW ..... | -8 | [GO TO QT03_81] |

**QT03\_80** What method did you use? You can tell me, or I can read from a list and you can just answer yes or no. Do you want to tell me or shall I read from my list?

Anh/chò dưøng phõng phạp nàø? Còu theỏ nụi thaúng cho toỏi bieỏt hay choỏn tỡø danh saùch toỏi ñiỏi vạø cho bieỏt lạø còu hay khoỏng.

Anh/chò muỏn nụi thaúng cho toỏi bieỏt hay muỏn choỏn tỡø danh saùch toỏi ñiỏi?

[TE35]

A CONDOM OR RUBBER ..... 1  
 LUNELLE/DEPO PROVERA OR THE SHOT ..... 2  
 NORPLANT ..... 3  
 THE PILL ..... 4  
 RHYTHM METHOD ..... 5  
 SUPPOSITORY OR AN INSERT ..... 6  
 WITHDRAWAL OR PULLING OUT ..... 7  
 SOME OTHER METHOD ..... 91  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_81** In the past 3 months, with how many different people did you have sexual intercourse?

Trong ba thàøng qua, anh/chò lạøm tình vụi bao nhiều ngõøi khaùc nhau?

[TE36]

\_\_\_\_\_ PERSON/PEOPLE [HR: 0-90; SR: 0-10]

REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_82** The last time you had sexual intercourse, did you or your partner use a method to prevent pregnancy or disease?

Laỏn lạøm tình vớøa roỏi, anh/chò hay ngõøi baỏn tình còu dưøng phõng phạp ngõøa thai hay trỏnh beỏnh nhiều khoỏng?

[TE37]

YES ..... 1  
 NO ..... 2 [GO TO QT03\_84]  
 REFUSED ..... -7 [GO TO QT03\_84]  
 DON'T KNOW ..... -8 [GO TO QT03\_84]

**QT03\_83** What method did you use? Do you want to tell me or shall I read from my list?

Anh/chò dưøng phõng phạp nàø? Còu theỏ nụi thaúng cho toỏi bieỏt hay choỏn tỡø danh saùch toỏi ñiỏi vạø cho bieỏt lạø còu hay khoỏng.

[TE38]

A CONDOM OR RUBBER ..... 1  
 LUNELLE/DEPO PROVERA OR THE SHOT ..... 2  
 NORPLANT ..... 3  
 THE PILL ..... 4  
 RHYTHM METHOD ..... 5  
 SUPPOSITORY OR AN INSERT ..... 6  
 WITHDRAWAL OR PULLING OUT ..... 7  
 SOME OTHER METHOD ..... 91  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_84:****IF TA3 = 1 (MALE), DISPLAY "Have you ever gotten someone";****ELSE IF TA3 = 2 (FEMALE), DISPLAY "Have you ever been"****QT03\_84** {Have you ever gotten someone}{Have you ever been} pregnant?

Em ñãõ tõng bao giòø còu thai không ?

**[TE39]**

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_85** In the past year have you received birth control counseling or services?

Trong naêm vöøa qua anh/chò còu ñõõic ai coá vaán hay nhaán dòch vúï ngöøa thai không?

**[TE42]**

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_86** In the past year have you been tested for a sexually transmitted disease or AIDS?

Trong naêm qua, em còu thõu nghiẽm veà caùc beánh truyeàn nheĩm qua tình dũic (phong tình) hay beánh lieät khaùng (AIDS) không?

**[TE43]**

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_87:****IF QT03\_4 = 1 (MALE), GO TO QT03\_91;****ELSE IF QT03\_4 = 2 (FEMALE), CONTINUE WITH QT03\_87.****QT03\_87** Have you heard of RU486, also known as the "abortion pill"?

Anh/chò còu bieát thuóac RU486 maø ngöõõi ta goĩi laø "vieãn thuóac phaù thai" (abortion pill) không?

**[TE45]**

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_88** Have you heard of emergency contraception or the "morning after pill"?

Anh/chò còu bieát thuóac ngöøa thai khaãn caáp maø ngöõõi ta goĩi laø "vieãn thuóac saùng hoãm sau" (morning after pill) không?

**[TE46]**

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**[GO TO QT03\_91]**  
**[GO TO QT03\_91]**  
**[GO TO QT03\_91]**

**QT03\_89** Is the following statement true or false?

Caâu phaùt bieâu sau ñây laø ñuùng hay sai?

Women and teens in California can get emergency contraception pills by going to a pharmacist in a drug store without phoning or seeing a doctor first.

Phuì nõõ vaø treù vò thaønh nieân trong California coù theå mua thuốc ngöøa thai khaån caáp baèng caùch hoûi döõic só trong tiãem thuốc maø khoâng caàn phaûi goïi ñieän thoaiï hay gaëp baùc só tröõuc.

[TE47]

TRUE..... 1  
 FALSE ..... 2  
 REFUSED .....-7  
 DON'T KNOW .....-8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_90:**

**IF QT03\_77 = 1 (NEVER HAD SEXUAL INTERCOURSE), SKIP TO QT03\_91**

**QT03\_90**

In the past 12 months, have you used emergency contraception pills or the “morning after pill”?

Trong 12 thaùng qua, anh/chò coù duøng thuốc ngöøa thai khaån caáp hay "vieân thuốc saùng hoâm sau" khoâng?

[TE48]

**[IF NEEDED, SAY: “Emergency contraception, also known as the “morning after pill”, contains the same medication of regular birth control pills and can prevent pregnancy if taken within 72 hours of unprotected sex or contraceptive failure. It is not RU486, also known as the “abortion pill.”]**

**[IF NEEDED, SAY: ‘Thuốc ngöøa thai khaån caáp, cuõng nõõic bieát qua teân “vieân thuốc saùng hoâm sau”, coù cuøng chaát thuốc ngöøa thai vaø coù theå ngaên ngöøa coù thai neáu uoáng trong voøng 72 giöø sau khi laøm tình, khi khoâng duøng bieän phaùp phoøng ngöøa hay phoøng ngöøa ñuùng. Ñây khoâng phaûi laø thuốc RU486, cuõng nõõic bieát qua teân "vieân thuốc phaù thai.”]**

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED .....-7  
 DON'T KNOW .....-8

## Section F – Health Care Utilization and Access, Dental Health

These next questions are about your health care.

Những câu hỏi kế tiếp nói về nơi em đi khám bệnh.

**QT03\_91** Is there a place you usually go to when you are sick or need advice about your health?

Em có nơi nào mà em thường đi khám bệnh, hay khi cần đi khám bệnh bao giờ về khám của em không ?

[TF1]

- |                           |    |                 |
|---------------------------|----|-----------------|
| YES .....                 | 1  |                 |
| NO .....                  | 2  | [GO TO QT03_93] |
| DOCTOR/MY DOCTOR .....    | 3  |                 |
| KAISER .....              | 4  |                 |
| MORE THAN ONE PLACE ..... | 5  |                 |
| REFUSED .....             | -7 | [GO TO QT03_93] |
| DON'T KNOW .....          | -8 | [GO TO QT03_93] |

**PROGRAMMING NOTE TF2:**

IF QT03\_91 = 4 (KAISER), FILL QT03\_92 = 1 AND GO TO QT03\_93;  
 ELSE IF QT03\_91 = 3 (DOCTOR/MY DOCTOR), DISPLAY "Is your doctor in a private";  
 ELSE DISPLAY "What kind of place do you go to most often—a medical".

**QT03\_92** {Is your doctor in a private/What kind of place do you go to most often -- a medical} doctor's office, a clinic or hospital clinic, a hospital emergency room, or some other place?

Choã nàø laø choã em thöông ñi nhaát: vaên phòng bác số, döông phòng hay döông phòng của bệnh viện, phòng cấp cứu, hay choã nàø khác?

[TF2]

- |  |    |
|--|----|
| DOCTOR'S OFFICE/KAISER/OTHER HMO .....     | 1  |
| CLINIC/HEALTH CENTER/HOSPITAL CLINIC ..... | 2  |
| EMERGENCY ROOM .....                       | 3  |
| SOME OTHER PLACE (SPECIFY: _____) ....     | 91 |
| NO ONE PLACE .....                         | 94 |
| REFUSED .....                              | -7 |
| DON'T KNOW .....                           | -8 |

**QT03\_93** During the past 12 months, did you visit a hospital emergency room for your own health?

Trong 12 tháng qua, anh/chò có vào phòng cấp cứu ôu bệnh viện vì lý do sức khỏe của mình không?

[TF3]

- |                  |    |
|------------------|----|
| YES .....        | 1  |
| NO .....         | 2  |
| REFUSED .....    | -7 |
| DON'T KNOW ..... | -8 |

**QT03\_94** During the past 12 months, how many times have you seen a medical doctor?

Trong 12 tháng qua, anh/chò đi gặp bác số y khoa bao nhiêu lần?

[TF16]

- |                            |    |
|----------------------------|----|
| _____ TIMES [RANGE: 0-365] |    |
| REFUSED .....              | -7 |
| DON'T KNOW .....           | -8 |

**QT03\_95** When was the last time you saw a doctor for a physical exam or check-up?

Laàn cuoái anh/chò ñi khám thõøng leã hay toáng quaùt laø caùch ñaây bao lâu?

[TF5]

|                                   |    |                  |
|-----------------------------------|----|------------------|
| LESS THAN 3 MONTHS AGO .....      | 1  |                  |
| 3 MONTHS UP TO 6 MONTHS AGO.....  | 2  |                  |
| 6 MONTHS UP TO 12 MONTHS AGO..... | 3  |                  |
| 12 MONTHS UP TO 2 YEARS AGO ..... | 4  |                  |
| 2 OR MORE YEARS AGO.....          | 5  | [GO TO QT03_111] |
| HAVE NEVER HAD A PHYSICAL .....   | 0  | [GO TO QT03_111] |
| REFUSED .....                     | -7 | [GO TO QT03_111] |
| DON'T KNOW .....                  | -8 | [GO TO QT03_111] |

**QT03\_96** Was this visit at Kaiser?

Còu phaùi laàn ñoù laø tại Kaiser không?

[TF17]

|                  |    |
|------------------|----|
| YES .....        | 1  |
| NO.....          | 2  |
| REFUSED .....    | -7 |
| DON'T KNOW ..... | -8 |

**QT03\_97** The last time you saw a doctor, could you clearly understand your doctor's instructions?

Laàn ñi gaép baùc số vớøa roài, anh/chò còu hieáu roõ chæ daãn cuõa baùc số không?

[TF18]

|                  |    |                  |
|------------------|----|------------------|
| YES .....        | 1  | [GO TO QT03_101] |
| NO.....          | 2  |                  |
| REFUSED .....    | -7 | [GO TO QT03_101] |
| DON'T KNOW ..... | -8 | [GO TO QT03_101] |

**QT03\_98** Was this because you and the doctor spoke different languages?

Ñieàu naøy còu phaùi vì anh/chò vaø baùc số noùi hai thõu tieáng khác nhau không?

[TF19]

|                  |    |
|------------------|----|
| YES .....        | 1  |
| NO.....          | 2  |
| REFUSED .....    | -7 |
| DON'T KNOW ..... | -8 |

**QT03\_99** Did you need someone else to help you understand the doctor?

Anh/chò còu caàn ngõøøi khác giuùp ñeã anh/chæ hieáu ñõõic baùc số hay không?

[TF20]

|                  |    |                  |
|------------------|----|------------------|
| YES .....        | 1  |                  |
| NO.....          | 2  | [GO TO QT03_101] |
| REFUSED .....    | -7 | [GO TO QT03_101] |
| DON'T KNOW ..... | -8 | [GO TO QT03_101] |

**QT03\_100** Who was this person who helped you understand the doctor?

Ngöðøi maø ñaõ giuùp anh/chò hieáu ñöðïc bàuc só laø ai?

[TF21]

- MINOR CHILD (UNDER AGE 18) ..... 1
- AN ADULT FAMILY MEMBER OR FRIEND OF MINE .2
- NON-MEDICAL OFFICE STAFF ..... 3
- MEDICAL STAFF INCLUDING NURSES/DOCTORS.... 4
- PROFESSIONAL INTERPRETER (BOTH IN PERSON AND ON THE TELEPHONE) ..... 5
- OTHER (PATIENTS, SOMEONE ELSE) ..... 6
- DID NOT HAVE SOMEONE TO HELP ..... 7
- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_101:**  
**IF QT03\_95=0, 5, -7, -8, GO TO QT03\_111;**  
**ELSE CONTINUE WITH QT03\_101.**

**QT03\_101** When you had your last routine physical exam, did you and a doctor or other health care provider talk about cigarettes or smoking?

Trong làn khám toàng quaut vöøa ròai, anh/chò vaø bàuc só hay nhaân vieân chaêm söüc y teá cou bàøn thaõ... veà thuoác laù hay huýt thuoác khoáng?

[TF8]

- YES ..... 1
- NO ..... 2
- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_102** ...about alcohol use?

...veà uoáng röðiu khoáng?

[TF8A]

- YES ..... 1
- NO ..... 2
- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_103:**  
**IF PARENT/GUARDIAN DID NOT ALLOW RESPONDENT TO ANSWER DRUG USE QUESTIONS,**  
**GO TO QT03\_104;**  
**ELSE CONTINUE WITH QT03\_103.**

**QT03\_103** ...about drug use?

...veà vieäc duøng ma tuùy khoáng?

[TF8B]

- YES ..... 1
- NO ..... 2
- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_104** ...about seatbelt use?

...veà buoãc daây nôt an toaøn khoâng?

[TF8C]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_105** ...about helmet use?

...veà ñoãi noùn an toaøn khoâng?

[TF8D]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_106:**

**IF PARENT/GUARDIAN DID NOT ALLOW RESPONDENT TO ANSWER SEXUAL HEALTH QUESTIONS,  
 GO TO QT03\_107;  
 ELSE CONTINUE WITH QT03\_106.**

**QT03\_106** ...about sexually transmitted diseases or STDs, such as gonorrhea or chlamydia?

...veà beãnh truyeàn nhieãm qua tình dũc hay STD, nhõ beãnh laâu hay phong tình khoâng?

[TF8E]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_107** ...about your emotions or moods?

...veà xuùc ñoãng hay taâm traing cuõa anh/chò khoâng?

[TF8F]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_108** ...about violence or violence prevention?

...veà baõo löic hay phoøng ngöøa baõo löic khoâng?

[TF8G]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8



**QT03\_109** ...about exercise or physical activity?

...veà taáp theá duïc hay hoaït ñoãng theá chaát khoãng?

[TF8H]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_110** ...and finally, about nutrition or healthy eating?

...vaø cuoái cuøng, veà dinh döõng hay caùch aên uoáng laønh maïnh khoãng?

[TF8I]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_111** In the past 12 months, did you delay or not get any medical care you felt you needed?

Trong 12 thaùng qua, anh/chò coù ñình treä hay khoãng ñoõic chaêm soùc y teá maø anh/chò nghó mình caàn – nhö gaëp baùc só, ngöõøi chuyeân khoa hay chuyeân gia soùc khoùc khoãng?

[TF9]

**[IF NEEDED, SAY: "Such as seeing a doctor, a specialist or other health professional?"]**

**[IF NEEDED, SAY: "Nhö ñeán khaùm baùc só, baùc só chuyeân khoa hay chuyeân gia soùc khoùc khoãng."]**

YES ..... 1  
 NO ..... 2 **[GO TO QT03\_113]**  
 REFUSED ..... -7 **[GO TO QT03\_113]**  
 DON'T KNOW ..... -8 **[GO TO QT03\_113]**

**QT03\_112** Was cost or lack of insurance a reason why you delayed or did not get the care you felt you needed?

Coù phaûi vì lý do phaûi traû chi phí hay khoãng coù baùo hieãm ñeõ laøm anh/chò ñình treä hay khoãng ñi chaêm soùc y teá maø mình nghó mình caàn?

[TF22]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_113** In the past 12 months, have you received any psychological or emotional counseling?

Trong voøng 12 thaùng qua, em coù ñoõic tö vaán veà taâm lý hay tình caùm khoãng ?

[TF11]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_114:  
IF AGE ≤ 13, SKIP TO QT03\_118**

**QT03\_114** About how sure are you that you can make an appointment for your own health care without your family knowing. Would you say?

Anh/chò chaéc chaén ñéán mòiuc nàø veà vieăc anh/chò còu theá laáy heïn chaêm sòuc sòuc khoêu cho mình mæø gia ñinh không ai bieát? Anh/chò nghó raêng...

[TF23]

**[IF NEEDED, SAY: “If you needed to make a confidential appointment on your own.”]  
[IF NEEDED, SAY: “Nếu em cần tối mình laáy heïn kín ñàu.”]**

- Not at all sure ..... 1
- Không chaéc laém ..... 1
- Somewhat sure, or ..... 2
- Tông ñoái chaéc, hay ..... 2
- Very sure? ..... 3
- Raát chaéc chaén? ..... 3
- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_115** About how sure are you that you can contact your doctor if you have questions or concerns about your health or safety. Would you say?

Anh/chò chaéc chaén ñéán mòiuc nàø veà vieăc tối mình còu theá lieân laïc baùc số hay nhaân vieân chaêm sòuc sòuc khoêu khaùc neáu anh/chò còu thaéc maéc hay quan tâm veà sòuc khoêu hay söi an toaøn cuõa mình - Anh/chò nghó raêng la...

[TF12]

- Not all sure ..... 1
- Không chaéc laém ..... 1
- Somewhat sure, or ..... 2
- Tông ñoái chaéc, hay ..... 2
- Very sure? ..... 3
- Raát chaéc chaén? ..... 3
- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_116:  
IF QT03\_77 = 1 (HAD SEXUAL INTERCOURSE), DO NOT DISPLAY “or if you are thinking about starting to have sex”; ELSE IF QT03\_77 NE 1 THEN CATI DISPLAY ENTIRE QUESTION.**

**QT03\_116** And ... talk to your doctor about sex {or if you are thinking about starting to have sex}. Would you say

Vaø... baøøn thaøu vòuì baùc số veà vaán ñeà tình duiç? Anh/chò nghó raêng...

[TF24]

- Not at all sure ..... 1
- Không chaéc laém ..... 1
- Somewhat sure, or ..... 2
- Tông ñoái chaéc, hay ..... 2
- Very sure? ..... 3
- Raát chaéc chaén? ..... 3
- REFUSED ..... -7
- DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_117** Do you know of a place, other than at the school nurse's, where young people like you can go to see a doctor or other health provider without their parents knowing about it?

Em cóu bieát choã nàøo khíaùc hôn laø y taù trong trööðøng, nôï treù em nhö em cóu theã gaëp baùc só, hay caùc chuyeân gia y teá maø cha meï khoâng bieát khoâng ?

[TF13]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_118** About how long has it been since you last visited a dentist or a dental clinic? Include dental hygienists and all types of dental specialists.

Laàn cuoái anh/chò ñeán nha só hay beänh xaù nha khoa ñaõ caùch ñaây bao laâu? Bao goàm chuyeân vieân chaø raêng vaø taát caù chuyeân vieân nha khoa khíaùc.

[TF14]

LESS THAN 6 MONTHS AGO ..... 1  
 6 MONTHS UP TO 1 YEAR AGO ..... 2  
 1 YEAR UP TO 2 YEARS AGO ..... 3  
 2 YEARS UP TO 5 YEARS AGO ..... 4  
 MORE THAN 5 YEARS AGO ..... 5  
 HAVE NEVER VISITED ..... 0  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

[GO TO QT03\_120]  
 [GO TO QT03\_120]

**QT03\_119** Is there a particular dentist or place you usually go to for dental care?

Anh/chò cóu moät nha só hay nôï nàøo quen thuoác ñeã ñeán chaêm soùc raêng khoâng?

[TF25]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_120** During the past 12 months, was there any time you needed dental care, but your family could not afford it?

Trong 12 thaùng qua, cóu khi nàøo anh/chò cần phaùï ñööïc chaêm soùc nha khoa, nhöng gia ñình khoâng cóu kháù naëng traùu tieàn khoâng?

[TF26]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

[GO TO QT03\_122]  
 [GO TO QT03\_122]  
 [GO TO QT03\_122]

**QT03\_121** Did you need a check-up, or did you have a dental problem?

Ñoù laø Anh/chò cần ñi kháùm, hay bò vaán ñeã veà raêng?

[TF27]

CHECK-UP ..... 1  
 PROBLEM ..... 2  
 BOTH ..... 3  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_122** During the past 12 months, did you miss any school because of a dental problem? Do not count time missed for cleaning or a check-up.

Trong 12 tháng qua, anh/chò có phải nghỉ học vì vấn đề răng không? Không tính thời gian nghỉ đi chườm sạch hay khám răng.

[TF28]

- |                                 |    |                  |
|---------------------------------|----|------------------|
| YES—TIME LOST FROM SCHOOL ..... | 1  |                  |
| NO .....                        | 2  | [GO TO QT03_124] |
| REFUSED .....                   | -7 | [GO TO QT03_124] |
| DON'T KNOW .....                | -8 | [GO TO QT03_124] |

**QT03\_123** How many days of school did you miss?

Anh/chò nghỉ học bao nhiêu ngày rồi?

[TF29]

- |                       |    |
|-----------------------|----|
| _____ LESS THAN A DAY |    |
| _____ DAYS            |    |
| REFUSED .....         | -7 |
| DON'T KNOW .....      | -8 |

## Section G – Interpersonal Violence

These next questions are about violence among young people.

Những câu hỏi kế tiếp nói về va chạm giữa bạn bè trong giới trẻ.

**QT03\_124** In the past 12 months, about how many times did someone about your age threaten to hurt you or threaten to beat you up?

Trong vòng 12 tháng qua, có bao nhiêu lần có trẻ khác cùng tuổi em đe dọa sẽ làm em đau hay sẽ đánh em?

[TG1]

\_\_\_\_\_ TIMES [HR: 0-365; SR: 0-20]

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

**QT03\_125** In the past 12 months, how many times did you threaten to hurt someone or threaten to beat him or her up?

Trong 12 tháng qua, có bao nhiêu lần anh/chò đe dọa làm cho người khác đau hoặc đe dọa đánh họ?

[TG2]

\_\_\_\_\_ TIMES [HR: 0-365; SR: 0-20]

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

**QT03\_126** In the past 12 months, about how many times were you actually in a physical fight with a guy or girl, or a group of people around your age?

Trong vòng 12 tháng qua, có bao nhiêu lần em thực sự với một người khác hoặc một nhóm người khác trong một cuộc đánh nhau, hoặc có một cuộc đánh nhau, hay với một nhóm người khác trong một cuộc đánh nhau?

[TG3]

\_\_\_\_\_ TIMES [HR: 0-365; SR: 0-20]

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_127:**  
**IF QT03\_126=0 (ZERO), GO TO QT03\_129;**  
**ELSE CONTINUE WITH QT03\_127.**

**QT03\_127** In the past 12 months, how many times did you start a physical fight with a guy or girl, or with people around your age?

Trong 12 tháng qua, có bao nhiêu lần anh/chò bắt đầu đánh nhau với một người con trai hay một cô gái, hoặc bắt đầu đánh nhau với anh/chò khác?

[TG8]

\_\_\_\_\_ TIMES [HR: 0-365; SR: 0-20]

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

**QT03\_128** In the past 12 months, how many times were you in a physical fight with a guy or girl, or with people around your age, that someone else started?

Trong 12 tháng qua, có khoảng bao nhiêu lần anh/chò ãaánh nhau với một một ãõu trai hay một cô gaéi, hoặc với ngõõoi naøo vaø khoảng tuõai với anh/chò, mà ngõõoi naøy laãi ra tay baét ãaau ãaánh trõõu?

[TG9]

\_\_\_\_\_ TIMES [HR: 0-365; SR: 0-20]

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_129:**  
**IF TEENAGE > 13, CONTINUE WITH QT03\_129;**  
**ELSE GO TO QT03\_132.**

**QT03\_129** Have you ever been slapped, kicked or physically hurt by a boyfriend or girlfriend, someone you are romantically involved with, not just a friend?

Anh/chò có bao giõø bõ vaũ vaøo maét, bõ ãaau hay nõui caũch khauc laø thaãn theã bõ thõõng do baãn trai hay baãn gaũ gaũ ra, một ngõõoi mà anh/chò có lieãn heã tình caũm, khoảng chæ laø baãn thõõng?

[TG6]

YES ..... 1

NO ..... 2

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

[GO TO QT03\_132]

[GO TO QT03\_132]

[GO TO QT03\_132]

**QT03\_130** Has this happened at all in the past 12 months?

Ñieàu naøy có tõõng xaũy ra trong võõng 12 tháng qua khoảng ?

[TG7]

YES ..... 1

NO ..... 2

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

[GO TO QT03\_132]

[GO TO QT03\_132]

[GO TO QT03\_132]

**QT03\_131** Did you talk to anyone about what happened?

Anh/chò có nõui với ai veã nhõõng gì ãaũ xaũy ra khoảng?

[TG10]

YES ..... 1

NO ..... 2

REFUSED .....-7

DON'T KNOW .....-8

## Section H – Adult Supervision, Resiliency, and Role Models

These next questions are about your parents.

Những câu hỏi tiếp theo về cha mẹ của em.

**QT03\_132** Are your parents

Còn phải cha mẹ của em...

[TH1]

|  |    |                  |
|--|----|------------------|
| Married to each other, .....                                 | 1  |                  |
| Keát hôn với nhau .....                                      | 1  |                  |
| Divorced from each other, .....                              | 2  | [GO TO QT03_134] |
| Ly dò nhau .....   | 2  | [GO TO QT03_134] |
| Separated from each other, .....                             | 3  | [GO TO QT03_134] |
| Ly thân nhau .....   | 3  | [GO TO QT03_134] |
| Not married, but living with each other, or .....            | 4  |                  |
| Soáng chung với nhau nhưng không kết hôn .....               | 4  |                  |
| Not married, and not living with each other? .....           | 5  | [GO TO QT03_134] |
| Không soáng chung, và không kết hôn với nhau<br>không? ..... | 5  | [GO TO QT03_134] |
| ONE PARENT DECEASED .....                                    | 6  | [GO TO QT03_134] |
| BOTH PARENTS DECEASED .....                                  | 7  | [GO TO QT03_134] |
| OTHER .....  | 91 |                  |
| REFUSED .....  | -7 |                  |
| DON'T KNOW .....   | -8 |                  |

**QT03\_133** Do you live with both your parents in the same house or apartment?

Em còn soáng chung với cả cha lẫn mẹ trong cùng một căn nhà hay phòng chung cũ không?

[TH2]

|                  |    |
|------------------|----|
| YES .....        | 1  |
| NO .....         | 2  |
| REFUSED .....    | -7 |
| DON'T KNOW ..... | -8 |

**QT03\_134** About how often is there an adult around during your after-school hours? Would you say

Sau giờ ãi học của em, thông còu ngòði lòn nàø òu gàn bên em không? Em còn nòu lãø ...

[TH5]

|                                  |    |
|----------------------------------|----|
| Always, .....                    | 1  |
| Luoãn luoãn .....                | 1  |
| Most of the time, .....          | 2  |
| Haàu heát mõi làn .....          | 2  |
| Some of the time, .....          | 3  |
| Moät ñoài làn .....              | 3  |
| Almost never, or .....           | 4  |
| Gàn ñhõ không bao giờ, hay ..... | 4  |
| Never? .....                     | 5  |
| REFUSED .....                    | -7 |
| DON'T KNOW .....                 | -8 |

**PROGRAMMING NOTE FOR QT03\_135:**

**IF QT03\_132=7, CATI DISPLAY SHOULD HIGHLIGHT "guardians" AND NOT HIGHLIGHT "parents"; ELSE CATI SHOULD ONLY DISPLAY "parents".**

**QT03\_135** About how much do your parents {guardians} really know about where you go when you go out at night? Would you say, they know a lot, know a little or know nothing?

Caùc caâu hoûi keá tieáp laø veà cha meï cuûa anh/chò hieáu bieát veà anh/chò bao nhieâu.  
Cha meï cuûa anh/chò thaát söi bieát bao nhieâu veà nôï maø khi anh/chò ñi ra ngoaøi luùc ban ñeâm? Anh/chò  
ngó raêng hoï bieát raát nhieâu, bieát chuùt ít hay khoâng bieát gì?

[TH6A]

KNOW A LOT ..... 1  
KNOW A LITTLE ..... 2  
KNOW NOTHING ..... 3  
DOESN'T GO OUT AT NIGHT ..... 4  
REFUSED ..... -7  
DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_136** About how much do they know about what you do with your free time? Would you say, they know a lot, a little or nothing?

Hoï bieát roõ ñeán bao nhieâu veà vieác em duøng thôï giøø raùnh roã cuûa em? Em coù ngó raêng hoï bieát  
raát roõ, bieát moät chuùt, hay khoâng bieát gì heát khoâng ?

[TH6B]

KNOW A LOT ..... 1  
KNOW A LITTLE ..... 2  
KNOW NOTHING ..... 3  
REFUSED ..... -7  
DON'T KNOW ..... -8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_137:**

**IF QT03\_5 = 1 or 2 (ATTENDING SCHOOL OR HOME SCHOOL), ADD {"after school"} TO CATI DISPLAY.**

**QT03\_137** And ... how about where you are most afternoons {after school}? Would you say, they know a lot, a little or nothing?

Coøn veà vieác em ôû ñeáu trong nhöõng buoãi chieàu sau giøø hoïc, em coù ngó raêng hoï bieát raát  
roõ, bieát moät chuùt, hay khoâng bieát gì heát khoâng ?

[TH6C]

KNOW A LOT ..... 1  
KNOW A LITTLE ..... 2  
KNOW NOTHING ..... 3  
REFUSED ..... -7  
DON'T KNOW ..... -8



How true do you feel the next statements are about your school and things you might do there: At my school, there is a teacher or some other adult...

Anh/chò caùm thaáy caùc caâu phaùt bieáu sau ñây ñuùng ñeán möùc naøo veà tröôøng hoïc vaø nhöõng ñieàu anh/chò coù theá laøm ñöôïc taï choã ñoù?

**QT03\_138** Who really cares about me. Would you say this is

ÔÙ tröôøng toâi, coù giaùo vieân hay möät soá ngöôøi löùn khaùc thaät söï coù loøng quan taâm cho toâi. Anh/chò nghó raèng ñieàu naøy...

[TH8]

|                                |    |
|--------------------------------|----|
| Not at all true .....          | 1  |
| Hoøøn toøøn khoâng ñuùng ..... | 1  |
| A little true .....            | 2  |
| Ñuùng phaàn naøo .....         | 2  |
| Pretty much true, or.....      | 3  |
| Khaù ñuùng, hay .....          | 3  |
| Very much true? .....          | 4  |
| Raát ñuùng? .....              | 4  |
| REFUSED .....                  | -7 |
| DON'T KNOW .....               | -8 |

**QT03\_139** Who notices when I'm not there. Is this

Chuù yù vaø bieát khi toâi khoâng coù maët. Ñieàu naøy...

[TH9]

|                                |    |
|--------------------------------|----|
| Not at all true .....          | 1  |
| Hoøøn toøøn khoâng ñuùng ..... | 1  |
| A little true .....            | 2  |
| Ñuùng phaàn naøo .....         | 2  |
| Pretty much true, or.....      | 3  |
| Khaù ñuùng, hay .....          | 3  |
| Very much true? .....          | 4  |
| Raát ñuùng? .....              | 4  |
| REFUSED .....                  | -7 |
| DON'T KNOW .....               | -8 |

**QT03\_140** Who listens to me when I have something to say. Is this...

laéng nghe khi toâi coù chuyeän muón noùi. Ñieàu naøy...

[TH10]

|                                |    |
|--------------------------------|----|
| Not at all true .....          | 1  |
| Hoøøn toøøn khoâng ñuùng ..... | 1  |
| A little true .....            | 2  |
| Ñuùng phaàn naøo .....         | 2  |
| Pretty much true, or.....      | 3  |
| Khaù ñuùng, hay .....          | 3  |
| Very much true? .....          | 4  |
| Raát ñuùng? .....              | 4  |
| REFUSED .....                  | -7 |
| DON'T KNOW .....               | -8 |

**QT03\_141** Who tells me when I do a good job. **[IF NEEDED, READ:]**

Khen ngõii khi toái laøm ñõõic ñieàu gì toát ñeip.

**[TH11]**

|                                |    |
|--------------------------------|----|
| Not at all true.....           | 1  |
| Hoàøn toaøn khoâng ñuùng ..... | 1  |
| A little true .....            | 2  |
| Ñuùng phaàn naøo .....         | 2  |
| Pretty much true, or.....      | 3  |
| Khaù ñuùng, hay .....          | 3  |
| Very much true? .....          | 4  |
| Raát ñuùng?.....               | 4  |
| REFUSED .....                  | -7 |
| DON'T KNOW .....               | -8 |

**QT03\_142** Who always wants me to do my best. **[IF NEEDED, READ:]**

Luoân luoaøn muoaøn toái laøm heát khaù naêng cuõa toái.

**[TH12]**

|                                |    |
|--------------------------------|----|
| Not at all true.....           | 1  |
| Hoàøn toaøn khoâng ñuùng ..... | 1  |
| A little true .....            | 2  |
| Ñuùng phaàn naøo .....         | 2  |
| Pretty much true, or.....      | 3  |
| Khaù ñuùng, hay .....          | 3  |
| Very much true? .....          | 4  |
| Raát ñuùng?.....               | 4  |
| REFUSED .....                  | -7 |
| DON'T KNOW .....               | -8 |

**QT03\_143** Who notices when I'm in a bad mood. **[IF NEEDED, READ:]**

Ñeã yù khi toái coù taâm traĩng buoàn.

**[TH13]**

|                                |    |
|--------------------------------|----|
| Not at all true.....           | 1  |
| Hoàøn toaøn khoâng ñuùng ..... | 1  |
| A little true .....            | 2  |
| Ñuùng phaàn naøo .....         | 2  |
| Pretty much true, or.....      | 3  |
| Khaù ñuùng, hay .....          | 3  |
| Very much true? .....          | 4  |
| Raát ñuùng?.....               | 4  |
| REFUSED .....                  | -7 |
| DON'T KNOW .....               | -8 |

How true are these statements about your home or the adults with whom you live?

Càuc càu phàit biẻu sau ãây ãuẻng ãẻn mủc nẻo veà nhẻo của anh/chỏ hay veà nhỏng ngỏoẻi lỏn soẻng chung vủi anh/chỏ?

**QT03\_144** In my home, there is a parent or some other adult... who cares about my schoolwork. Is this

Ôủ nhẻo tỏi, củ cha hay mẹ, hay mỏt số ngỏoẻi lỏn khỏc quan tỏm veà hoỏit ãẻng trong trỏoẻng của tỏi. ãẻu nẻy...

[TH14]

|                             |    |
|-----------------------------|----|
| Not at all true .....       | 1  |
| Hoẻn toẻn khỏng ãuẻng ..... | 1  |
| A little true .....         | 2  |
| ãuẻng phỏn nẻo .....        | 2  |
| Pretty much true, or.....   | 3  |
| Khỏ ãuẻng, hay .....        | 3  |
| Very much true? .....       | 4  |
| Rỏt ãuẻng? .....            | 4  |
| REFUSED .....               | -7 |
| DON'T KNOW .....            | -8 |

**QT03\_145** Who listens to me when I have something to say

Laẻng nghe khi tỏi củ chuyeẻn muỏn nủi. ãẻu nẻy...

[TH15]

|   |    |
|---|----|
| Not at all true .....                     | 1  |
| Hoẻn toẻn khỏng ãuẻng .....               | 1  |
| A little true .....                       | 2  |
| ãuẻng phỏn nẻo .....                      | 2  |
| Pretty much true ãuẻng phỏn nẻo, or ..... | 3  |
| Khỏ ãuẻng, hay .....                      | 3  |
| Very much true? .....                     | 4  |
| Rỏt ãuẻng? .....                          | 4  |
| REFUSED .....                             | -7 |
| DON'T KNOW .....                          | -8 |

**QT03\_146** Who talks with me about my problems. **[IF NEEDED, READ:]**

Nủi chuyeẻn vủi tỏi veà củc vỏn ãẻ của tỏi.

[TH16]

|                             |    |
|-----------------------------|----|
| Not at all true .....       | 1  |
| Hoẻn toẻn khỏng ãuẻng ..... | 1  |
| A little true .....         | 2  |
| ãuẻng phỏn nẻo .....        | 2  |
| Pretty much true, or.....   | 3  |
| Khỏ ãuẻng, hay .....        | 3  |
| Very much true? .....       | 4  |
| Rỏt ãuẻng? .....            | 4  |
| REFUSED .....               | -7 |
| DON'T KNOW .....            | -8 |

**QT03\_147** Who notices when I'm in a bad mood. **[IF NEEDED, READ:]**

Ñeá yù khi toái coù taâm traing buoàn.

**[TH17]**

|                                |    |
|--------------------------------|----|
| Not at all true.....           | 1  |
| Hoàøn toaøn khoâng ñuùng ..... | 1  |
| A little true .....            | 2  |
| Ñuùng phaàn naøo .....         | 2  |
| Pretty much true, or.....      | 3  |
| Khaù ñuùng, hay .....          | 3  |
| Very much true? .....          | 4  |
| Raát ñuùng?.....               | 4  |
| REFUSED .....                  | -7 |
| DON'T KNOW .....               | -8 |

**QT03\_148** Who always wants me to do my best. **[IF NEEDED, READ:]**

Luoân luoân muoán toái laøm heát khaù naêng cuõa toái.

**[TH18]**

|                                |    |
|--------------------------------|----|
| Not at all true.....           | 1  |
| Hoàøn toaøn khoâng ñuùng ..... | 1  |
| A little true .....            | 2  |
| Ñuùng phaàn naøo .....         | 2  |
| Pretty much true, or.....      | 3  |
| Khaù ñuùng, hay .....          | 3  |
| Very much true? .....          | 4  |
| Raát ñuùng?.....               | 4  |
| REFUSED .....                  | -7 |
| DON'T KNOW .....               | -8 |

**QT03\_149** Who believes that I will be a success. **[IF NEEDED, READ:]**

Tin raèng toái seõ thaønh coång.

**[TH19]**

|                                |    |
|--------------------------------|----|
| Not at all true.....           | 1  |
| Hoàøn toaøn khoâng ñuùng ..... | 1  |
| A little true .....            | 2  |
| Ñuùng phaàn naøo .....         | 2  |
| Pretty much true, or.....      | 3  |
| Khaù ñuùng, hay .....          | 3  |
| Very much true? .....          | 4  |
| Raát ñuùng?.....               | 4  |
| REFUSED .....                  | -7 |
| DON'T KNOW .....               | -8 |

**QT03\_150** Who expects me to follow the rules. **[IF NEEDED, READ:]**

Muón tôi theo các quy luật.

**[TH20]**

|                            |    |
|----------------------------|----|
| Not at all true .....      | 1  |
| Hoặc toàn không đúng ..... | 1  |
| A little true .....        | 2  |
| Đúng phần nào .....        | 2  |
| Pretty much true, or.....  | 3  |
| Khá đúng, hay .....        | 3  |
| Very much true? .....      | 4  |
| Rất đúng? .....            | 4  |
| REFUSED .....              | -7 |
| DON'T KNOW .....           | -8 |

**QT03\_151** In the past 12 months, have you done any volunteer work or community service?

Trong 12 tháng qua, anh/chò có làm bất cứ công việc tình nguyện hay công tác cộng đồng không?

**[TH21]**

|                  |    |
|------------------|----|
| YES .....        | 1  |
| NO .....         | 2  |
| REFUSED .....    | -7 |
| DON'T KNOW ..... | -8 |

**QT03\_152** Is there a person you know or have read about that you admire and would want to be like?

Có người nào anh/chò biết hay nói về họ mà anh/chò ngưỡng mộ và muốn trở thành giống họ không?

**[TH22]**

|                  |    |
|------------------|----|
| YES .....        | 1  |
| NO .....         | 2  |
| REFUSED .....    | -7 |
| DON'T KNOW ..... | -8 |

**[GO TO QT03\_156]**

**[GO TO QT03\_156]**

**[GO TO QT03\_156]**

**QT03\_153** Is this person a family member, an athlete, an entertainer, a teacher, a friend your own age, or someone else?

Có phải người đó là người trong gia đình, vận động viên, người trình diễn, giáo viên, người bạn cùng tuổi hay một người nào khác?

**[TH23]**

|                             |    |
|-----------------------------|----|
| FAMILY MEMBER .....         | 1  |
| ATHLETE .....               | 2  |
| ENTERTAINER.....            | 3  |
| TEACHER .....               | 4  |
| FRIEND .....                | 5  |
| OTHER (SPECIFY: _____)..... | 91 |
| REFUSED .....               | -7 |
| DON'T KNOW .....            | -8 |

**QT03\_154** Is this person a male or female?

Ngöðøi naø laø ñaøn oâng hay ñaøn baø?

[TH24]

MALE ..... 1  
 FEMALE ..... 2  
 REFUSED .....-7  
 DON'T KNOW .....-8

**PROGRAMMING NOTE FOR TH24:**

**IF QT03\_154=1 (MALE); CATI DISPLAY SHOULD HIGHLIGHT {"his"}; ELSE IF QT03\_154=2 (FEMALE), CATI SHOULD DISPLAY {"her"}.**

**QT03\_155** What is {his}/{her} race or ethnicity?

{ } laø ngöðøi goác Taây Ban Nha hay La Tinh?

[TH25]

WHITE ..... 1  
 AFRICAN AMERICAN ..... 2  
 HISPANIC/LATINO ..... 3  
 ASIAN/ASIAN-AMERICAN ..... 4  
 PACIFIC ISLANDER ..... 5  
 AMERICAN INDIAN/ ALASKA NATIVE/  
 NATIVEAMERICAN ..... 6  
 NATIVE HAWAIIAN ..... 7  
 OTHER /MULTI-ETHNIC (SPECIFY: \_\_\_\_\_) ... 91  
 REFUSED .....-7  
 DON'T KNOW .....-8

## Section I –Demographic Information Part II, Future Plans

**QT03\_156**

So we can be sure we have included all races and ethnic groups in California, I need to ask a few final questions about you. Are you Latino or Hispanic?

Ñeả chùng tôi chaéc chaén bao goàm taát caũ chùng toác vaø saéc toác trong California, tôi caàn hoûi vaøi caâu hoûi cuoái veà anh/chò. Anh/chò laø ngöðøi goác La Tinh hay Taây Ban Nha?

[T11]

**[IF NEEDED, SAY: “Such as Mexican or Central or South American?”]**

**[IF NEEDED, SAY: “Nhö ngöðøi Meã Taây Cô hay Trung Myõ hoaéc Nam Myõ?”]**

- |                  |    |                         |
|------------------|----|-------------------------|
| YES .....        | 1  |                         |
| NO .....         | 2  | <b>[GO TO QT03_158]</b> |
| REFUSED .....    | -7 | <b>[GO TO QT03_158]</b> |
| DON'T KNOW ..... | -8 | <b>[GO TO QT03_158]</b> |

**QT03\_157**

And what is your Latino or Hispanic ancestry or origin? Such as Mexican, Salvadoran, Cuban, Honduran - and if you have more than one, tell me all of them.

Toả tieân hay nguoàn goác La Tinh hay Taây Ban Nha cuûa anh/chò laø ngöðøi gì?  
Thí duï nhö ngöðøi Meã Taây Cô, ngöðøi Salvadore, ngöðøi Cuba, ngöðøi Honduras – vaø neáu coù nhieàu hôn moät nguoàn goác, xin cho bieát taát caũ.

[T11A]

- |                                     |    |
|-------------------------------------|----|
| MEXICAN/MEXICANO .....              | 1  |
| MEXICAN AMERICAN .....              | 2  |
| CHICANO .....                       | 3  |
| SALVADORAN .....                    | 4  |
| GUATEMALAN .....                    | 5  |
| COSTA RICAN .....                   | 6  |
| HONDURAN .....                      | 7  |
| NICARAGUAN .....                    | 8  |
| PANAMANIAN .....                    | 9  |
| PUERTO RICAN .....                  | 10 |
| CUBAN .....                         | 11 |
| SPANISH-AMERICAN (FROM SPAIN) ..... | 12 |
| OTHER LATINO (SPECIFY: _____) ..... | 91 |
| REFUSED .....                       | -7 |
| DON'T KNOW .....                    | -8 |

**PROGRAMMING NOTE QT03\_158:**

**IF QT03\_156=1 (YES), CATI DISPLAY “You said you are Latino or Hispanic. Also...”**

**IF MORE THAN ONE RACE GIVEN, AFTER ENTERING RESPONSES FOR QT03\_158, CONTINUE WITH PROGRAMMING NOTE QT03\_160; ELSE GO TO SKIPS AS INDICATED FOR SINGLE RESPONSES.**

**QT03\_158** {You said you are Latino or Hispanic. Also}, Please tell me which one or more of the following you would use to describe yourself: Would you describe yourself as Native Hawaiian, Other Pacific Islander, American Indian, Alaska Native, Asian, Black, African American, or White?

Ńoàng thõøi, xin cho bieát anh/chò tõi cho mình læ nõõøi thuõc moät chuõng toác, hay goàm nhieàu chuõng toác. Anh/chò tõi cho mình læ thoá daân Hawaii, daân quaàn ñaõu Thuài Binh Dõõng, thoá daân Myõ, thoá daân Alaska, daân AÙ Chaâu, daân Da Ñen, daân Myõ Ñen goác Phi Chaâu, hay daân Da Traéng?

- [TI2]
- |                                      |    |                                   |
|--------------------------------------|----|-----------------------------------|
| WHITE.....                           | 1  | [GO TO QT03_166 IF ONLY ONE RACE] |
| BLACK OR AFRICAN AMERICAN .....      | 2  | [GO TO QT03_166 IF ONLY ONE RACE] |
| ASIAN .....                          | 3  | [GO TO QT03_163 IF ONLY ONE RACE] |
| AMERICAN INDIAN, ALASKA NATIVE ..... | 4  | [GO TO QT03_160 IF ONLY ONE RACE] |
| OTHER PACIFIC ISLANDER .....         | 5  | [GO TO QT03_164 IF ONLY ONE RACE] |
| NATIVE HAWAIIAN .....                | 6  | [GO TO QT03_166 IF ONLY ONE RACE] |
| OTHER (SPECIFY: _____).....          | 91 | [GO TO QT03_166 IF ONLY ONE RACE] |
| REFUSED .....                        | -7 | [GO TO QT03_166]                  |
| DON'T KNOW .....                     | -8 | [GO TO QT03_166]                  |

**PROGRAMMING NOTE QT03\_160:**

**IF QT03\_158= 4 (AMERICAN INDIAN, ALASKA NATIVE), CONTINUE WITH QT03\_160; ELSE GO TO PROGRAMMING NOTE QT03\_164.**

**QT03\_160** You said, American Indian or Alaska Native, and what is your tribal heritage? If you have more than one tribe, tell me all of them.

Anh/chò cho bieát læ thoá daân Myõ hay thoá daân Alaska, vaø thuõc boá laïc naøo? Neáu thuõc nhieàu boá laïc, xin cho bieát taát caù.

- [TI2A]
- |   |    |
|---|----|
| APACHE.....   | 1  |
| BLACKFEET .....                                     | 2  |
| CHEROKEE .....                                      | 3  |
| CHOCTAW .....                                       | 4  |
| NAVAJO .....  | 5  |
| POMO .....  | 6  |
| PUEBLO.....   | 7  |
| SIOUX .....   | 8  |
| YAQUI .....   | 9  |
| OTHER TRIBE [Ask for spelling] (SPECIFY: _____). 91 |    |
| REFUSED .....                                       | -7 |
| DON'T KNOW .....                                    | -8 |

**QT03\_161** Are you an enrolled member in a federally or state recognized tribe?

Em coù phaûi læ thaøn nh vieân chính thõuc cuõa moät boá laïc ñõõic chaõnh quyeaàn lieân bang hay tieâu bang coång nhaãn khoång ?

- [TI2B]
- |                  |    |                     |
|------------------|----|---------------------|
| YES .....        | 1  |                     |
| NO.....          | 2  | [GO TO PN QT03_164] |
| REFUSED .....    | -7 | [GO TO PN QT03_164] |
| DON'T KNOW ..... | -8 | [GO TO PN QT03_164] |



**QT03\_162** Which tribe are you enrolled in?

Anh/chò ñaêng kyù vaø boä laïc naøo?

[TI2C]

|   |    |
|---|----|
| <b>APACHE</b>                                   |    |
| MESCALERO APACHE, NM.....                       | 1  |
| APACHE (NOT SPECIFIED).....                     | 2  |
| OTHER APACHE [Ask for spelling] (SPECIFY):..... | 3  |
| <b>BLACKFEET</b>                                |    |
| BLACKFEET .....                                 | 4  |
| <b>CHEROKEE</b>                                 |    |
| WESTERN CHEROKEE .....                          | 5  |
| CHEROKEE (NOT SPECIFIED) .....                  | 6  |
| OTHER CHEROKEE [Ask for spelling] (SPECIFY) .   | 7  |
| <b>CHOCTAW</b>                                  |    |
| CHOCTAW OKLAHOMA.....                           | 6  |
| CHOCTAW (NOT SPECIFIED) .....                   | 7  |
| OTHER CHOCTAW [Ask for spelling] (SPECIFY):..   | 8  |
| <b>NAVAJO</b>                                   |    |
| NAVAJO (NOT SPECIFIED) .....                    | 9  |
| <b>POMO</b>                                     |    |
| HOPLAND BAND, HOPLAND RANCHERIA .....           | 10 |
| SHERWOOD VALLEY RANCHERIA .....                 | 11 |
| POMO (NOT SPECIFIED).....                       | 12 |
| OTHER POMO [Ask for spelling] (SPECIFY):.....   | 13 |
| <b>PUEBLO</b>                                   |    |
| HOPI .....                                      | 14 |
| YSLETA DEL SUR PUEBLO OF TEXAS.....             | 15 |
| PUEBLO (NOT SPECIFIED) .....                    | 16 |
| OTHER PUEBLO [Ask for spelling] (SPECIFY):..... | 17 |
| <b>SIOUX</b>                                    |    |
| OGLALA/PINE RIDGE SIOUX .....                   | 18 |
| SIOUX (NOT SPECIFIED) .....                     | 19 |
| OTHER SIOUX [Ask for spelling] (SPECIFY): ..... | 20 |
| <b>YAQUI</b>                                    |    |
| PASCUA YAQUI TRIBE OF ARIZONA .....             | 21 |
| YAQUI (NOT SPECIFIED) .....                     | 22 |
| OTHER YAQUI [Ask for spelling] (SPECIFY): ..... | 23 |
| <b>OTHER</b>                                    |    |
| OTHER [Ask for spelling] (SPECIFY: _____)       | 91 |
| REFUSED.....                                    | -7 |
| DON'T KNOW.....                                 | -8 |

**PROGRAMMING NOTE QT03\_163:**  
**IF QT03\_158 = 3 (ASIAN), CONTINUE WITH QT03\_163;**  
**ELSE GO TO PROGRAMMING NOTE QT03\_164.**

**QT03\_163** You said Asian, and what specific ethnic group are you, such as Chinese, Filipino, Vietnamese? If you are more than one, tell me all of them.

Anh/chò nòi laø dân AÙ Châu, vaây laø dân tộc củi theá naøo, nhö dân tộc Trung Hoa, Phi Luaät Taân, hay Vieät Nam? Neáu laø ngöðøi nhieàu hôn möät dân tộc, xin cho bieát taát caù.

[TI2D]

- BANGLADESHI..... 1
- BURMESE ..... 2
- CAMBODIAN ..... 3
- CHINESE ..... 4
- FILIPINO ..... 5
- HMONG ..... 6
- INDIAN (INDIA)..... 7
- INDONESIAN..... 8
- JAPANESE ..... 9
- KOREAN ..... 10
- LAOTIAN..... 11
- MALAYSIAN..... 12
- PAKISTANI ..... 13
- SRI LANKAN..... 14
- TAIWANESE ..... 15
- THAI ..... 16
- VIETNAMESE ..... 17
- OTHER ASIAN (SPECIFY: \_\_\_\_\_)..... 91
- REFUSED .....-7
- DON'T KNOW .....-8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_164:**  
**IF QT03\_158 = 5 (PACIFIC ISLANDER), CONTINUE WITH QT03\_164;**  
**ELSE GO TO PROGRAMMING NOTE QT03\_165.**

**QT03\_164** You said you are Pacific Islander. What specific ethnic group are you, such as Samoan, Tongan, or Guamanian? If you are more than one, tell me all of them.

Em nòi laø ngöðøi quaàn ñaùo Thaui Bình Döông, vaây em thuöc nhöüm saéc dân naøo, chúng haïn nhö Samoan, Tongan, hay Guamanian? Neáu em laø ngöðøi thuöc nhieàu goác, xin keá heát cho toái.

[TI2D1]

- SAMOAN/AMERICAN SAMOAN..... 1
- GUAMANIAN ..... 2
- TONGAN..... 3
- FIJIAN ..... 4
- OTHER PACIFIC ISLANDER (SPECIFY: \_\_\_\_\_) 91
- REFUSED .....-7
- DON'T KNOW .....-8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_165:**

IF QT03\_156 = 1 (YES, LATINO) AND [QT03\_158= 6 (NATIVE HAWAIIAN) OR 5 (OTHER PACIFIC ISLANDER) OR 4 (AMERICAN INDIAN OR ALASKA NATIVE) OR 3 (ASIAN) OR 2 (BLACK OR AFRICAN AMERICAN) OR 1 (WHITE) OR 91 (OTHER (Specify))], CONTINUE WITH QT03\_165;  
 ELSE IF MULTIPLE RESPONSES TO QT03\_158 OR QT03\_163 OR QT03\_164 [NOT COUNTING -7 OR -8 (REF/DK)], CONTINUE WITH QT03\_165; ELSE GO TO QT03\_166.

FOR QT03\_157 RESPONSES, INCLUDE "Specify" RESPONSE FOR 91 (OTHER LATINO); IF QT03\_156 = -7 (REFUSE), INSERT "Latino".

**QT03\_165** You said that you are {DISPLAY RESPONSES FROM TI2, TI3, TI7, TI8}. Of these, which do you most identify with?

Em nói mình là: { }. Trong số những chọn lựa trên, nhiều nào thấy gần với mình nhất?

**[TI2E]**

|  |    |
|--|----|
| MEXICAN/MEXICANO.....                  | 1  |
| MEXICAN AMERICAN.....                  | 2  |
| CHICANO.....                           | 3  |
| SALVADORAN.....                        | 4  |
| GUATEMALAN .....                       | 5  |
| COSTA RICAN.....                       | 6  |
| HONDURAN .....                         | 7  |
| NICARAGUAN .....                       | 8  |
| PANAMANIAN .....                       | 9  |
| PUERTO RICAN .....                     | 10 |
| CUBAN.....                             | 11 |
| SPANISH-AMERICAN (FROM SPAIN) .....    | 12 |
| LATINO, OTHER SPECIFY .....            | 13 |
| LATINO .....                           | 14 |
| NATIVE HAWAIIAN .....                  | 16 |
| OTHER PACIFIC ISLANDER .....           | 17 |
| AMERICAN INDIAN OR ALASKA NATIVE ..... | 18 |
| ASIAN .....                            | 19 |
| BLACK OR AFRICAN AMERICAN .....        | 20 |
| WHITE.....                             | 21 |
| RACE, OTHER SPECIFY .....              | 22 |
| BANGLADESHI.....                       | 30 |
| BURMESE .....                          | 31 |
| CAMBODIAN .....                        | 32 |
| CHINESE .....                          | 33 |
| FILIPINO .....                         | 34 |
| HMONG .....                            | 35 |
| INDIAN (INDIA).....                    | 36 |
| INDONESIAN.....                        | 37 |
| JAPANESE .....                         | 38 |
| KOREAN .....                           | 39 |
| LAOTIAN.....                           | 40 |
| MALAYSIAN.....                         | 41 |
| PAKISTANI .....                        | 42 |
| SRI LANKAN.....                        | 43 |
| TAIWANESE .....                        | 44 |
| THAI .....                             | 45 |
| VIETNAMESE .....                       | 46 |
| ASIAN, OTHER SPECIFY .....             | 49 |
| SAMOAN/AMERICAN SAMOAN.....            | 50 |
| GUAMANIAN .....                        | 51 |
| TONGAN.....                            | 52 |
| FIJIAN .....                           | 53 |
| PACIFIC ISLANDER, OTHER SPECIFY.....   | 55 |

|                            |    |
|----------------------------|----|
| BOTH/ALL/MULTIRACIAL ..... | 90 |
| NONE OF THESE .....        | 95 |
| REFUSED .....              | -7 |
| DON'T KNOW .....           | -8 |

**QT03\_166** In what country were you born?

Anh/chò sanh tại quốc gia nào?

[TI3]

|                             |    |
|-----------------------------|----|
| UNITED STATES... ..         | 1  |
| AMERICAN SAMOA .....        | 2  |
| CANADA .....                | 3  |
| CHINA .....                 | 4  |
| EL SALVADOR .....           | 5  |
| ENGLAND .....               | 6  |
| FRANCE.....                 | 7  |
| GERMANY .....               | 8  |
| GUAM.....                   | 9  |
| GUATEMALA .....             | 10 |
| HUNGARY .....               | 11 |
| INDIA.....                  | 12 |
| IRAN.....                   | 13 |
| IRELAND.....                | 14 |
| ITALY .....                 | 15 |
| JAPAN.....                  | 16 |
| KOREA.....                  | 17 |
| MEXICO .....                | 18 |
| PHILIPPINES .....           | 19 |
| POLAND.....                 | 20 |
| PORTUGAL.....               | 21 |
| PUERTO RICO .....           | 22 |
| RUSSIA .....                | 23 |
| TAIWAN .....                | 24 |
| VIETNAM .....               | 25 |
| VIRGIN ISLANDS.....         | 26 |
| OTHER (SPECIFY: _____)..... | 91 |
| REFUSED .....               | -7 |
| DON'T KNOW .....            | -8 |

**PROGRAMMING NOTE QT03\_167:**

**IF QT03\_166= 1, 2, 9, 22, or 26 (BORN IN USA or US TERRITORY), GO TO QT03\_170;  
ELSE, CONTINUE WITH QT03\_167:**

**QT03\_167** The next two questions are about citizenship and immigration status. Your answers are confidential and will not be reported to the INS.

Hai câu hỏi tiếp này là về tình trạng công dân và di trú của anh/chò. Câu trả lời sẽ được giữ kín, và sẽ không báo cáo đến Sở Di Trú.

Are you a citizen of the United States?

Anh/chò có quốc tịch Hoa Kỳ không?

[TI4]

|                           |    |
|---------------------------|----|
| YES .....                 | 1  |
| NO .....                  | 2  |
| APPLICATION PENDING ..... | 3  |
| REFUSED .....             | -7 |
| DON'T KNOW .....          | -8 |

**[GO TO QT03\_169]**

**QT03\_168** Are you a permanent resident with a green card?

Em có phải là thường trú nhân có thẻ xanh không?

[T15]

YES ..... 1  
 NO ..... 2  
 APPLICATION PENDING ..... 3  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_169** About how many years have you lived in the United States?

Anh/chò nào sống ở Hoa Kỳ khoảng bao nhiêu năm?

[T16]

\_\_\_\_ NUMBER OF YEARS [HR: 0-17]  
 {OR}  
 \_\_\_\_ YEAR FIRST CAME TO LIVE IN U.S. HR: 1982-2000]  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_170** What languages do you speak at home?

Anh/chò nào sống ở Hoa Kỳ khoảng bao nhiêu năm?

[T17]

ENGLISH ..... 1  
 SPANISH ..... 2  
 CANTONESE ..... 3  
 VIETNAMESE ..... 4  
 TAGALOG ..... 5  
 MANDARIN ..... 6  
 KOREAN ..... 7  
 ASIAN INDIAN LANGUAGES ..... 8  
 RUSSIAN ..... 9  
 OTHER1 (SPECIFY: \_\_\_\_\_) ..... 91  
 OTHER2 (SPECIFY: \_\_\_\_\_) ..... 92  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**PROGRAMMING NOTE QT03\_171:**

**IF QT03\_5 = 1, -7, OR -8 (CURRENTLY ATTENDING SCHOOL OR HOME SCHOOL OR WILL ATTEND SCHOOL IN THE FALL, OR REF/DK), CONTINUE WITH QT03\_171; ELSE SKIP TO QT03\_172.**

**QT03\_171** And one last question, can you tell me what you plan to do after high school?

Vào câu hỏi cuối cùng, anh/chò có thể cho biết sẽ làm gì sau khi xong trung học?

[T18]

GO TO COLLEGE/UNIVERSITY ..... 1  
 GO TO JUNIOR COLLEGE/TECHNICAL SCHOOL ..... 2  
 GET A JOB ..... 3  
 GO IN MILITARY ..... 4  
 GET MARRIED ..... 5  
 HAVE BABIES ..... 6  
 OTHER PLAN ..... 91  
 REFUSED ..... -7  
 DON'T KNOW ..... -8

**QT03\_172** Those are my final questions. I appreciate your patience. Finally, do you think you would be willing to do a follow-up to this survey some time in the future?

Ñòu laø cauc caâu hoûi cuoái cuøng. Toái caùm taï anh/chò ñã kieân nhaãn traû lôøi. Cuoái cuøng, anh/chò coù muoán ñöôïc phöøng vaán boả tuùc trong töøng lai khoâng?

**[T110]**

YES ..... 1  
 MAYBE/PROBABLY YES ..... 2  
 DEFINITELY NOT ..... 3  
 REFUSED .....-7  
 DON'T KNOW .....-8

**CLOSE**

Thank you. I appreciate your time and cooperation. You have helped with a very important health survey. Thank you and goodbye.

Thaønh thaät caùm ôn quyù vò. Quyù vò ñã giuùp nhieàu cho cuoác khaùo saùt veà söù khoûe raát quan troïng naøy.

**[T19]**

**[INTERVIEWER: DURING THIS INTERVIEW, EVEN FOR PART OF THE TIME, DO YOU THINK...]**

A PARENT WAS LISTENING ON AN EXTENSION ..... 1  
 A PARENT WAS IN THE ROOM LISTENING ..... 2  
 OR NEITHER ..... 3  
 DON'T KNOW ..... 8

**[END]**